

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Ghi lại chữ cái đứng trước đáp án **đúng** vào bài làm.

Câu 1: Phân số đối của phân số $\frac{-16}{25}$ là?

A. $\frac{-5}{4}$ B. $\frac{16}{25}$ C. $\frac{-4}{5}$ D. $\frac{25}{16}$

Câu 2: Phân số $\frac{-3}{4}$ bằng phân số nào dưới đây?

A. $\frac{15}{20}$ B. $\frac{-4}{3}$ C. $\frac{6}{-8}$ D. $\frac{12}{15}$

Câu 3: Trong các phân số: $\frac{1}{2}$, $\frac{3}{4}$, $\frac{-4}{5}$, $\frac{7}{8}$ phân số bé nhất là:

A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{3}{4}$ C. $\frac{-4}{5}$ D. $\frac{7}{8}$

Câu 4: Số nguyên x thỏa mãn $\frac{x}{3} = \frac{4}{12}$ là:

A. 1 B. -1 C. 4 D. -4

Câu 5: Kết quả phép tính $\frac{4}{13} + \frac{10}{13}$ là:

A. $\frac{-14}{13}$ B. $\frac{6}{13}$ C. $\frac{-6}{13}$ D. $\frac{14}{13}$

Câu 6: Trong các phân số sau, phân số nào là phân số thập phân?

A. $\frac{23}{40}$ B. $\frac{23}{30}$ C. $\frac{23}{20}$ D. $\frac{23}{10}$

Câu 7: Mẹ Hằng đi chợ mua 0,5 kg thịt lợn, biết 1 kg thịt lợn đó có giá 120 000 đồng. Mẹ Hằng phải trả số tiền là:

A. 60 000 đồng B. 50 000 đồng C. 100 000 đồng D. 40 000 đồng

Câu 8: Kết quả phép tính $27 - 5,7$ là:

A. 32,7 B. 21,3 C. 7,8 D. -3,6

Câu 9: Tỷ số của 6 cm và 20 cm là:

A. $\frac{20}{6}$ B. $\frac{3}{10}$ C. $\frac{6}{20}$ D. $\frac{10}{3}$

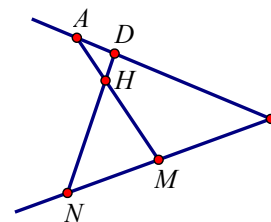
Câu 10: Bộ ba điểm nào sau đây là ba điểm thẳng hàng:

A. A, H, M

B. D, N, M

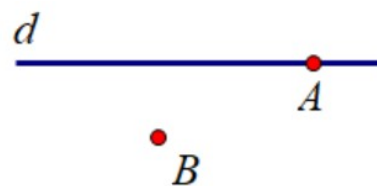
C. A, M, N

D. D, H, M



Câu 11: Quan sát hình vẽ dưới đây, khẳng định nào sau đây là **đúng**?

- A. Điểm A không thuộc đường thẳng d.
- B. Điểm A thuộc đường thẳng d.
- C. Điểm B thuộc đường thẳng d.
- D. Điểm A không thuộc đường thẳng d, điểm B không thuộc đường thẳng d.



Câu 12: Cho đoạn thẳng $AB = 5 \text{ cm}$.

Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB.

Độ dài đoạn thẳng AM là:

- A. 1 cm
- B. 2 cm
- C. 2,5 cm
- D. 1,5 cm



II. Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm): Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể)

- a) $\frac{5}{7} - \frac{1}{3}$
- b) $13,5 + 11,28 + (-11,28) - 2$
- c) $\frac{5}{9} \cdot \frac{1}{7} - \frac{15}{7} \cdot \frac{5}{9} + \frac{5}{9} \cdot 3$

Bài 2 (1,5 điểm): Tìm x biết:

- a) $x + \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$
- b) $2 \cdot x - \frac{3}{2} = \frac{1}{2}$
- c) $\left(x - \frac{1}{3}\right)(2x + 1) = 0$

Bài 3 (2,0 điểm): Lớp 6A có 45 học sinh. Cuối học kì 1, các bạn được đánh giá ở mức Tốt, Khá và Đạt. Số học sinh được đánh giá ở mức Khá chiếm $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh được đánh giá ở mức Tốt chiếm $\frac{2}{5}$ số học sinh còn lại.

- a) Tính số học sinh từng loại.
- b) Số học sinh được đánh giá ở mức Đạt chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh của lớp?

Bài 4 (1,5 điểm): Cho đoạn thẳng $AB = 6 \text{ cm}$. Lấy điểm I thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AI = 3 \text{ cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng IB.
- b) Điểm I có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?
- c) Vẽ tia Ax là tia đối của tia AB. Lấy điểm C thuộc tia Ax sao cho $IC = 5 \text{ cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng BC.

Bài 5 (0,5 điểm): Tìm số nguyên x, biết: $\frac{x-2}{20} + \frac{x-2}{30} + \frac{x-2}{42} + \frac{x-2}{56} + \frac{x-2}{72} = 10$.

----HẾT----

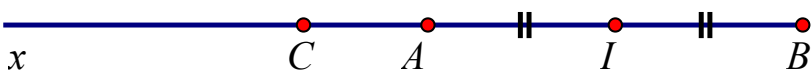
(Học sinh không sử dụng máy tính cầm tay, giám thị coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM**I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm).** Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
B	C	B	A	D	D
Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
A	B	C	A	B	C

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Câu	Nội dung	Điểm
Bài 1 (1,5đ)	a (0,5đ)	a) $\frac{5}{7} - \frac{1}{3} = \frac{15}{21} - \frac{7}{21}$	0,25đ
		$= \frac{8}{21}$	0,25đ
	b (0,5đ)	b) $13,5 + 11,28 + (-11,28) - 2 = (13,5 - 2) + [11,28 + (-11,28)]$	0,25đ
		$= 11,5 + 0 = 11,5$	0,25đ
	c (0,5đ)	c) $\frac{5}{9} \times -\frac{1}{7} - \frac{15}{7} \times \frac{5}{9} + \frac{5}{9} \times 3 = \frac{5}{9} \times (-\frac{1}{7} - \frac{15}{7} + 3)$	0,25đ
		$= \frac{5}{9} \times (-2 + 3) = \frac{5}{9} \times 1 = \frac{5}{9}$	0,25đ
Bài 2 (1,5đ)	a (0,5đ)	a) $x + \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$ $x = \frac{3}{4} - \frac{1}{2}$	0,25đ
		$x = \frac{1}{4}$	0,25đ
	b (0,5đ)	$2 \times -\frac{3}{2} = \frac{1}{2}$ $2 \times = \frac{1}{2} + \frac{3}{2}$	0,25đ

		$2x = 2$ $x = 1$	0,25đ
	c	$x - \frac{1}{3}(2x + 1) = 0$	0,25đ
	(0,5đ)	<p>TH1: $x - \frac{1}{3} = 0$</p> $x = 0 + \frac{1}{3}$ $x = \frac{1}{3}$ <p>Vậy $x = \frac{1}{3}$</p> <p>TH2: $2x + 1 = 0$</p> $2x = 0 - 1$ $x = \frac{-1}{2}$	0,25đ
Bài 3 (2,0đ)	a	<p>a) Số học sinh được đánh giá ở mức Khá là:</p> $45 \times \frac{1}{3} = 15$ <p>(học sinh)</p>	0,5đ
		<p>Số học sinh còn lại là:</p> $45 - 15 = 30$ <p>(học sinh)</p>	0,5đ
		<p>Số học sinh được đánh giá ở mức Tốt là:</p> $30 \times \frac{2}{5} = 12$ <p>(học sinh)</p>	0,25đ
		<p>Số học sinh được đánh giá ở mức Đạt là:</p> $30 - 12 = 18$ <p>(học sinh)</p>	0,25đ
	b	<p>b) Tỉ số phần trăm của số học sinh được đánh giá ở mức Đạt so với học sinh cả lớp là:</p> $\frac{18}{45} \times 100\% = 40\%$	0,5đ
Bài 4 (1,5đ)	a		0,25đ
	(0,5đ)	<p>Vì điểm I nằm giữa hai điểm A và B nên ta có:</p> $AI + IB = AB$	0,25đ

		$\text{P } 3 + IB = 6$ $\text{P } IB = 6 - 3 = 3 \text{ (cm)}$	
	b (0,5đ)	Vì điểm I nằm giữa điểm A và điểm B	0,25đ
		$AI = IB (= 3\text{cm})$ Suy ra điểm I là trung điểm của đoạn thẳng AB.	0,25đ
	c (0,5đ)	Vì điểm I nằm giữa điểm B và điểm C, nên: $CI + IB = CB$	0,25đ
		$\text{P } 5 + 3 = CB$ $\text{P } CB = 8 \text{ (cm)}$ Vậy $BC = 8 \text{ cm}$.	0,25đ
Bài 5 (0,5đ)		$\frac{x-2}{20} + \frac{x-2}{30} + \frac{x-2}{42} + \frac{x-2}{56} + \frac{x-2}{72} = 10$ $\frac{x-2}{4.5} + \frac{x-2}{5.6} + \frac{x-2}{6.7} + \frac{x-2}{7.8} + \frac{x-2}{8.9} = 10$	0,25đ
		$(x-2) \cdot \frac{1}{36} = 10$ $\frac{5}{36} \cdot (x-2) = 10$ $x-2 = 72$ $x = 74$	0,25đ

* **Lưu ý:** Học sinh làm theo cách khác đáp án đúng vẫn cho điểm tối đa.

ĐỀ 2	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6
-------------	---

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong mỗi câu sau:

$$\frac{19}{30}$$

Câu 1. Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{19}{30}$ là

- A. $\frac{30}{19}$ B. $\frac{19}{30}$ C. $-\frac{19}{30}$ D. $-\frac{30}{19}$

Câu 2. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{35}{0}$. B. $\frac{0,55}{4}$. C. $-\frac{15}{17}$. D. $\frac{2,27}{1,5}$.

Câu 3. Hai phân số $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ khi

- A. $a.c = b.d$ B. $a.d = b.c$ C. $a + c = b + d$ D. $a - c = b - d$

Câu 4. Trong các khẳng định sau, khẳng định đúng là

- A. $\frac{-37}{30} > 0$ B. $\frac{-19}{25} > \frac{19}{25}$ C. $\frac{51}{15} < \frac{17}{15}$ D. $-\frac{17}{25} < 0$

Câu 5. Tìm $\frac{1}{4}$ của 24 là

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 6. Số 7,147 được làm tròn đến hàng phần chục?

- A. 7,1 B. 7,2 C. 7,4 D. 7,5

Câu 7. Điểm O thuộc đường thẳng a được kí hiệu là

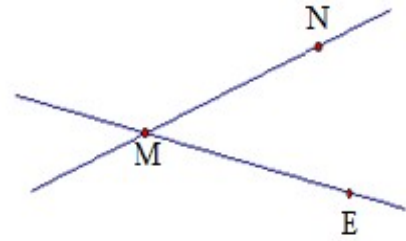
- A. $a \in O$. B. $O \notin a$. C. $O \in a$ D. $O \subset a$.

Câu 8. Chọn câu đúng

- A. Nếu ba điểm cùng thuộc một đường thẳng thì ba điểm đó không thẳng hàng
 B. Nếu ba điểm không cùng thuộc một đường thẳng thì ba điểm đó thẳng hàng
 C. Nếu ba điểm cùng thuộc một đường thẳng thì ba điểm đó thẳng hàng
 D. Nếu ba điểm không thẳng hàng thì ba điểm cùng thuộc trên một đường thẳng

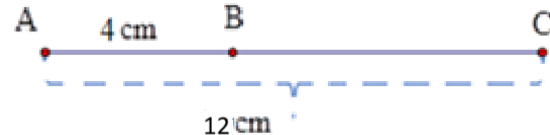
Câu 9. Cho hình vẽ, Hai đường thẳng MN và ME

- A. Cắt nhau
- B. Song song với nhau.
- C. Trùng nhau
- D. Có hai điểm chung



Câu 10. Cho hình vẽ:

Biết $AB = 4\text{cm}$, $AC = 12\text{cm}$. Độ dài BC là



- A. 16cm
- B. 8cm
- C. 4cm
- D. 12cm

Câu 11. Trong các số sau, số nào là số thập phân âm?

- A. 651.
- B. -651.
- C. -6,51.
- D. 6,51.

Câu 12. Hỗn số $5\frac{1}{4}$ được viết dưới dạng phân số?

- A. $\frac{9}{4}$
- B. $\frac{1}{4}$
- C. $\frac{5}{4}$
- D. $\frac{21}{4}$

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện các phép tính sau (tính hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{4}{19} + \frac{-5}{19}$

b) $\frac{3}{17} - \left(\frac{2}{9} + \frac{3}{17} \right)$

c) $\frac{-3}{5} : \frac{3}{7}$

d) $\frac{5}{18} : \frac{7}{6} - \frac{5}{18} : \frac{1}{6}$

Bài 2. (1,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $x + 5,7 = 15,9$

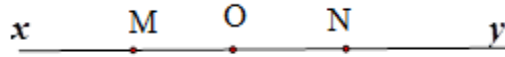
b) $3x - 6,5 = 12,5 - 4.2,5$

Bài 3. (1,5 điểm) Lớp 6A có 40 học sinh gồm: Học sinh giỏi, khá, trung bình trong đó số học sinh trung bình chiếm $\frac{3}{8}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng 40% số học sinh còn lại.

a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp 6A?

b) Tổng số học sinh khá, giỏi chiếm bao nhiêu phần trăm so với số học sinh cả lớp?

Bài 4. (1,5 điểm) Cho hình vẽ



- a) Hãy kể tên các cặp tia đối nhau ?
b) Hình vẽ trên có bao nhiêu đoạn thẳng, hãy kể tên các đoạn thẳng đó ?

Bài 5. (1 điểm)

Tính tổng $A = \frac{1}{3} + \frac{1}{6} + \frac{1}{10} + \frac{1}{15} + \dots + \frac{1}{36}$

-----HẾT-----

ĐỀ 3	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6
-------------	---

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Dạng 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8 và ghi một đáp án đúng vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào **không phải** là phân số?

- A. $-\frac{5}{1}$ B. $\frac{0}{7}$ C. $\frac{10}{-1,2}$ D. -100

Câu 2: Cặp phân số bằng nhau là

- A. $-\frac{6}{7}$ và $-\frac{7}{6}$ B. $-\frac{3}{5}$ và $\frac{9}{45}$ C. $\frac{2}{3}$ và $-\frac{12}{18}$ D. $-\frac{1}{4}$ và $-\frac{11}{44}$

Câu 3: Phép tính $\frac{1}{4} - \frac{1}{4} \cdot (-2)$ có kết quả là:

- A. 0 B. $\frac{3}{4}$ C. -2 D. $-\frac{1}{4}$

Câu 4. Khẳng định đúng trong các khẳng định sau là :

- A. $\frac{-3}{15} < \frac{-14}{15}$ B. $\frac{-1}{-999} > 0$ C. $\frac{11}{13} < \frac{11}{15}$ D. $\frac{-30}{29} > \frac{9}{29}$

Câu 5. Phân số $\frac{-13}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là

A. -0,13

B. 0,13

C. -0,31

D. 0, 31

Câu 6. Cho các số thập phân $24,9$; $-18,5$; $-9,3$; $36,3$. Số thập phân bé nhất là

A. $24,9$.B. $-18,5$.C. $-9,3$.D. $36,3$.

Câu 7: Một hộp bi có 100 viên bi gồm hai màu đỏ và vàng. Số bi màu đỏ chiếm $\frac{2}{5}$ số bi trong hộp. Hỏi có bao nhiêu viên bi vàng trong hộp.

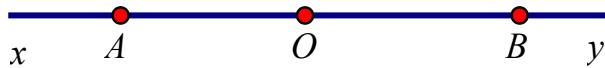
A. 40

B. 60

C. 100

D. 250

Câu 8: Cho hình vẽ. Tia đối của tia OB là



A. BO

B. AO

C. Ox

D. By

Dạng 2. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai.

Câu 9: Hãy ghi Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào bài làm của mình cho mỗi khẳng định sau:

a) $-\frac{3}{4}$ và $-\frac{9}{16}$ là hai phân số bằng nhau

b) Mọi số nguyên đều viết được dưới dạng phân số

c) $\frac{123}{-9} < 0$

d) Các số thập phân xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là -4 ; $-3,02$; $-3,2$; $-3,15$; 3

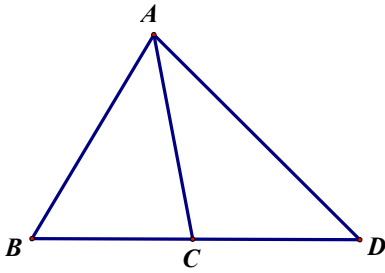
Dạng 3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn:

Câu 10. Chỉ ghi kết quả bài toán sau vào bài làm, không trình bày lời giải chi tiết.

1) Ba người cùng làm một công việc. Nếu làm riêng, người thứ nhất mất 4 giờ, người thứ hai mất 5 giờ, người thứ ba mất 6 giờ mới làm xong công việc đó. Hỏi nếu ba người cùng làm thì sau một giờ làm được bao nhiêu phần công việc?

TL: Nếu ba người cùng làm thì sau một giờ làm được phần công việc

2) Số đoạn thẳng trong hình vẽ dưới đây là:



B. TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Câu 11 (1,5 điểm) Thực hiện các phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

$$\frac{3}{5} + \frac{-4}{9}$$

$$\text{b) } \frac{-3}{8} + \frac{12}{25} - \frac{5}{8} + \frac{2}{-5} + \frac{13}{25}$$

$$\text{c) } \frac{3}{7} \cdot \frac{20}{11} + \frac{9}{11} \cdot \frac{-3}{7} - 2\frac{3}{7}$$

a)

Câu 12 (1,5 điểm) Tìm x biết

$$\text{a) } x + \frac{2}{5} = \frac{3}{8}$$

$$\text{b) } 2x + \frac{1}{5} = \frac{3}{10}$$

$$\text{c) } \frac{x-2}{18} = \frac{-2}{3}$$

Câu 13 (1,0 điểm) Một hộp bút chì có tất cả 45 chiếc gồm bút đỏ, bút xanh và bút

đen. Số bút đỏ chiếm $\frac{4}{9}$ tổng số bút. $\frac{3}{4}$ số bút xanh là 12 chiếc. Số còn lại là bút đen. Hỏi trong hộp có bao nhiêu chiếc bút mỗi loại?

Câu 14 (1,5 điểm)

Cho $AB = 6\text{cm}$, M là một điểm nằm trên đoạn thẳng AB sao cho $BM = 3\text{ cm}$.

a) Hãy vẽ hình và kẻ tên các đoạn thẳng trong hình. Tính AM rồi so sánh AM và MB.

b) Điểm M có là trung điểm của AB hay không? Vì sao?

Câu 15 (0,5 điểm) Cho $A = \frac{1}{1^2} + \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{50^2}$. CMR: $A < 2$.

_____ Hết _____

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

1. Dạng câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
-----	---	---	---	---	---	---	---	---

Đáp án	C	D	B	B	A	B	B	C
--------	---	---	---	---	---	---	---	---

2. Dạng câu trắc nghiệm đúng sai

Ý Câu	a	b	c	d	Biểu điểm
9	S	Đ	Đ	S	- HS đúng 01 ý đạt 0,1 điểm. - HS đúng 02 ý đạt 0,25 điểm. - HS đúng 03 ý đạt 0,5 điểm. - HS đúng 04 ý đạt 1 điểm.

3. Dạng câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

Câu	Đáp án	Biểu điểm
10	1) $\frac{37}{60}$	0,5
	2) 6	0,5

PHẦN II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
11		1,5
	a) $\frac{3}{5} + \frac{-4}{9} = \frac{27}{45} + \frac{-20}{45}$	0,25
	$= \frac{7}{45}$	0,25
	b) $\frac{-3}{8} + \frac{12}{25} - \frac{5}{8} + \frac{2}{-5} + \frac{13}{25} = \left(\frac{-3}{8} - \frac{5}{8}\right) + \left(\frac{12}{25} + \frac{13}{25}\right) + \frac{2}{-5}$	0,25
	$= (-1) + 1 + \frac{-2}{5}$ $= 0 + \frac{-2}{5} = \frac{-2}{5}$	0,25

	$\text{c) c) } \frac{3}{7} \cdot \frac{20}{11} + \frac{9}{11} \cdot \frac{-3}{7} - 2 \frac{3}{7} = \frac{3}{7} \cdot \frac{20}{11} - \frac{9}{11} \cdot \frac{3}{7} - 2 \frac{3}{7}$ $= \frac{3}{7} \cdot \left(\frac{20}{11} - \frac{9}{11} \right) - 2 \frac{3}{7} = \frac{3}{7} \cdot 1 - 2 \frac{3}{7}$ $= \frac{3}{7} - 2 \frac{3}{7} = -2$	0.25
		0.25
12		1,5
	$\text{a) } x + \frac{2}{5} = \frac{3}{8}$ $x = \frac{3}{8} - \frac{2}{5}$ $x = \frac{15}{40} - \frac{16}{40} = \frac{-1}{40}$ <p>Vậy $x = \frac{-1}{40}$</p>	0.25
		0.25
	$2x + \frac{1}{5} = \frac{3}{10}$ <p>b/</p> $2x = \frac{3}{10} - \frac{1}{5}$ $2x = \frac{1}{10}$ $x = \frac{1}{10} : 2$ $x = \frac{1}{20} \quad x = \frac{1}{20}$ <p>Vậy</p>	0,25
		0,25
	$\text{c) } \frac{x-2}{18} = \frac{-2}{3}$ $3 \cdot (x-2) = (-2) \cdot 18$ $x-2 = \frac{(-2) \cdot 18}{3}$ $x-2 = -12$ $x = -12 + 2 = -10$ <p>Vậy $x = -10$</p>	0.25
		0.25

13		1,0
	Số bút đỏ là: $45 \cdot \frac{4}{9} = 20$ (chiếc)	0,25
	Số bút xanh là: $12 : \frac{3}{4} = 16$ (chiếc)	0,25
	Số bút đen là: $45 - 20 - 16 = 9$ (chiếc)	0,25
	Vậy trong hộp có 20 bút đỏ, 16 bút xanh và 9 bút đen.	0,25
14		1,5
	Vẽ hình đúng	0,25
	<i>(Nếu HS vẽ không đúng tỉ lệ thì chỉ trừ điểm hình vẽ, nếu HS vẽ sai hình không chấm lời giải)</i>	
	a) Các đoạn thẳng có trong hình là AM, AB, MB	0,25
	Vì M nằm giữa hai điểm A và B nên ta có $AM + MB = AB$ Thay số ta có $AM + 3 = 6$ $AM = 6 - 3 = 3$ (cm)	0,25
	Vậy $AM = MB$ (= 3cm)	0,25
	b) Có điểm M nằm giữa hai điểm A và B Lại có $AM = MB$ (câu a) nên M là trung điểm của AB Vậy M là có trung điểm của AB	0,25 0,25
15		0,5
	Cho $A = \frac{1}{1^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{50^2}$ Ta có: $< \frac{1}{1.2}$ $\frac{1}{3^2} < \frac{1}{2.3}$	

$\frac{1}{4^2} < \frac{1}{3.4}$ <p>.....</p> $\frac{1}{50^2} <$ <p>Suy ra $\frac{1}{1^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{50^2} < \frac{1}{1^2} + \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots +$</p> <p>Hay $A < 1 + \frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \dots + \frac{1}{49} - \frac{1}{50}$</p> <p>Hay $A < 1 + 1 - \frac{1}{50}$</p> <p>Hay $A < \frac{99}{50} < 2$ Vậy $A < 2$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
---	-------------------------

ĐỀ 4

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN 6

I./ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3đ):

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1: [NB-1] Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số?

- A. $\frac{-6,5}{7}$. B. $\frac{-1}{22}$. C. $\frac{2,5}{4,7}$. D. $\frac{5}{0}$.

Câu 2: [NB-1] Số đối của phân số $\frac{17}{7}$ là:

- A. $\frac{-17}{7}$. B. $\frac{17}{7}$. C. $\frac{-17}{-7}$. D. $-\frac{-17}{7}$.

Câu 3: [NB-1] Viết phân số $\frac{32}{5}$ dưới dạng **hỗn số** ta được

- A. $6\frac{2}{5}$. B. $6\frac{5}{2}$. C. $5\frac{2}{6}$. D. $6\frac{1}{5}$.

Câu 4: [NB-1] Chọn đáp án “Sai”:

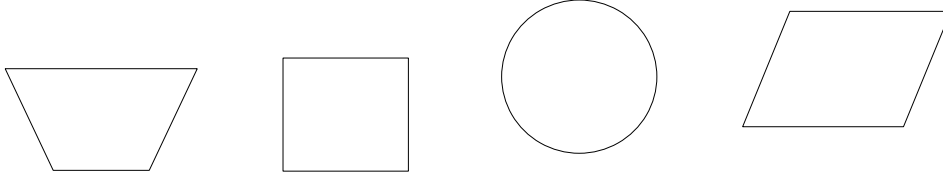
A. $\frac{1}{3} = \frac{4}{12}$.

B. $\frac{-5}{7} = \frac{5}{-7}$.

C. $\frac{-2}{7} = \frac{-4}{14}$.

D. $\frac{4}{9} = \frac{-12}{27}$.

Câu 5: [NB-3] : Trong các hình dưới đây, hình **không** có trục đối xứng là



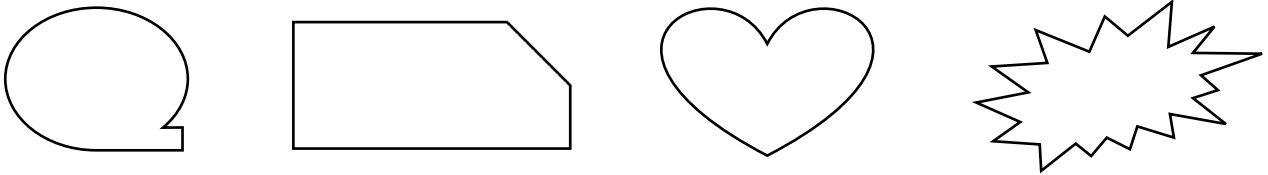
A.

B.

C.

D.

Câu 6: [NB-3] Trong các hình sau đây, hình nào có **trục đối xứng**?



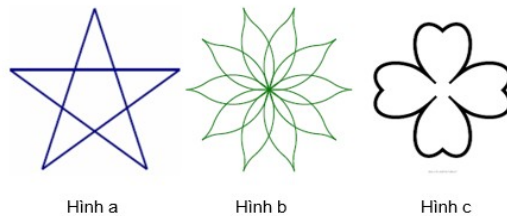
A.

B.

C.

D.

Câu 7: [NB-4] Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



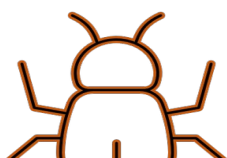
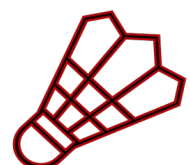
A. Hình a, b.

B. Hình a, c.

C. Hình a, b, c.

D. Hình b, c.

Câu 8: [NB-4] Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



A.

B.

C.

D.

Câu 9: [NB-4] Trong các chữ cái in hoa sau, chữ nào có tâm đối xứng nhưng không có trục đối xứng?.

A. Chữ S.

B. Chữ H.

C. Chữ O.

D. Chữ I.

Câu 10: [NB-4] Chọn khẳng định đúng về biển báo giao thông dưới đây.

A. Biển báo có tâm đối xứng.

B. Biển báo có trục đối xứng.

C. Biển báo có tâm đối xứng và có trục đối xứng.

D. Biển báo không có tâm đối xứng và không có trục đối xứng.



Câu 11: [NB-6] Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt?

A. 0

B. 1

C. 2

D. 10

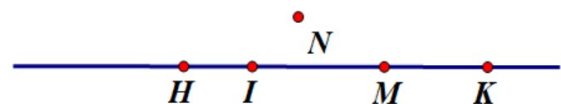
Câu 12: [NB-6] Cho hình vẽ dưới đây. Điểm nằm giữa hai điểm H và M là:

A. Điểm K.

B. Điểm N.

C. Điểm I.

D. Điểm M.



II. TỰ LUẬN (7 điểm):

Câu 13: (0,5đ) [NB-1] Cặp phân số $\frac{2}{4}$ và $\frac{1}{2}$ có bằng nhau không? Vì sao?

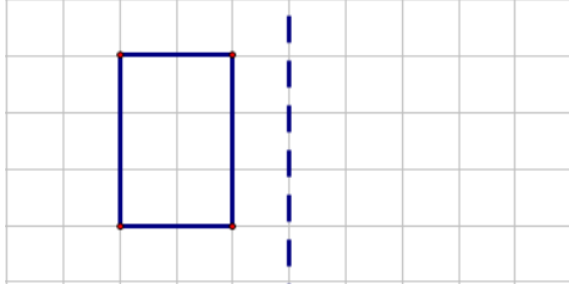
Câu 14: (1,0đ) [TH-1] So sánh các cặp phân số sau:

a/ $\frac{-5}{13}$ và $\frac{45}{13}$

b/ $\frac{-11}{4}$ và $\frac{-2}{5}$

Câu 15:

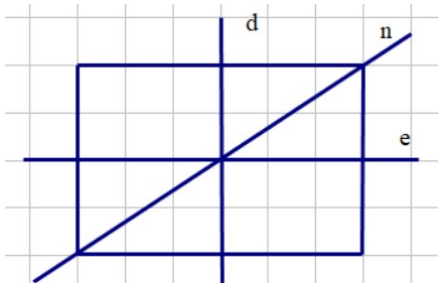
a/(0,5đ) [NB-3]: Em hãy vẽ hình đối xứng của hình dưới đây với đường nét đứt là trục đối xứng.



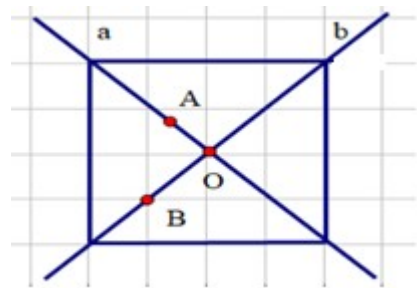
b/(0,5đ) [NB-6]

Tìm đường thẳng là trục đối xứng của hình chữ nhật (Hình a)?

Tìm điểm là tâm đối xứng của hình vuông (Hình b)?



Hình a



Hình b

Câu 16: (1,5đ) [VD-2] Thực hiện phép tính (Tính nhanh nếu có thể).

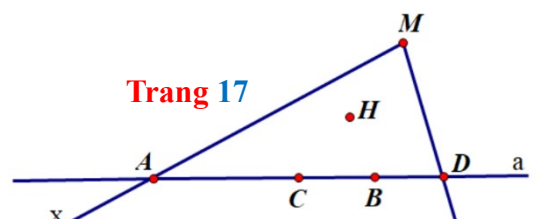
a/ $\frac{7}{9} + \frac{1}{9}$

b/ $\frac{-5}{11} \cdot \frac{2}{9} + \frac{-5}{11} \cdot \frac{7}{9}$

c/ $2\frac{1}{5} : \left(1\frac{2}{5} + \frac{-3}{10}\right) - \frac{2}{5}$

Câu 17 (1,5 đ): Cho hình vẽ sau. Em hãy kể tên:

a/ (0,5đ) [NB-6] Hai điểm thuộc đường thẳng a và hai điểm không thuộc đường thẳng a?



b) (0,5đ) [NB-6] Hai bộ ba điểm thẳng hàng và hai bộ ba điểm không thẳng hàng?

c/(0,5đ) [NB-6] Hai điểm nằm cùng phía đối với điểm B?

Câu 18: (1,0 đ) [VD-2]

Nhân kỷ niệm ngày thành lập Đoàn 26 tháng 3, nhà trường tổ chức thuê xe cho học sinh tham quan trải nghiệm tại **Di chỉ khảo cổ Cát Tiên**, nơi được mệnh danh là **Thánh Địa Cát Tiên**. Hỏi:

a) Nếu xe đi với vận tốc trung bình **50 km/h** thì sau $\frac{3}{2}$ giờ quãng đường đi được là bao nhiêu?

b) Nếu biết rằng sau $\frac{3}{2}$ giờ chiếc xe đã đi được $\frac{3}{5}$ quãng đường. Tính độ dài quãng đường đi **Di chỉ khảo cổ Cát Tiên**?

c) Nếu xe đi với vận tốc trung bình **60 km/h** thì thời gian đi hết quãng đường là bao nhiêu giờ? (Kết quả đổi sang hỗn số nếu có thể).

Câu 19 (0,5đ): [VDC] Thực hiện phong trào Kế hoạch nhỏ của Liên đội Trường THCS Liên Đàm phát động, tổ 1 và tổ 2 của lớp 6A quyên góp được một số vỏ lon bia, biết rằng nếu lấy $\frac{1}{3}$ số vỏ lon của tổ 1 bỏ sang tổ 2 rồi sau đó lấy $\frac{1}{5}$ số vỏ lon hiện tại của tổ 2 bỏ sang tổ 1 thì cả hai tổ đều có 120 vỏ lon. Tính số vỏ lon bia quyên góp được của mỗi tổ lúc ban đầu?

HẾT.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

I./ TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	A	D	D	C	D	B	A	C	B	C

II. TỰ LUẬN:

Câu	Ý	Đáp án	Điểm
13 (0,5đ)		Vì $2.2=1.4$	0,25
		Nên $\frac{2}{4} = \frac{1}{2}$	0,25
14 (1 đ)		Vì $-5 < 45$	0,25
	a	Nên $\frac{-5}{13} < \frac{45}{13}$	0,25
	b	$\frac{-11}{4} = \frac{-11.5}{4.5} = \frac{-55}{20}$ và $\frac{-2}{5} = \frac{-2.4}{5.4} = \frac{-8}{20}$ Vì $\frac{-55}{20} < \frac{-8}{20}$ vậy $\frac{-11}{4} < \frac{-2}{5}$	0,25
15 (1 đ)	a	Vẽ hình đối xứng đúng.	0,5
		Hình a: Đường thẳng: d, e. Hình b: Điểm O.	0,25 0,25
16 (1,5 đ)	a	$\frac{7}{9} + \frac{1}{9} = \frac{8}{9}$	0,5
	b	$\frac{-5}{11} \cdot \frac{2}{9} + \frac{-5}{11} \cdot \frac{7}{9}$ $= \frac{-5}{11} \cdot \left(\frac{2}{9} + \frac{7}{9} \right)$ $= \frac{-5}{11} \cdot 1 = \frac{-5}{11}$	0,25
			0,25

		$2\frac{1}{5} : \left(1\frac{2}{5} + \frac{-3}{10}\right) - \frac{2}{5}$ $= \frac{11}{5} : \left(\frac{7}{5} + \frac{-3}{10}\right) - \frac{2}{5}$ $= \frac{11}{5} : \frac{11}{10} - \frac{2}{5}$ $= 2 - \frac{2}{5} = \frac{8}{5}$	0,25
	c		0,25
17 (1,5 đ)	a	$A \in a, B \in a$	0,25
		$M \notin a, H \notin a$	0,25
	b	Bộ ba điểm thẳng hàng (A, C, B); (C, B, D)	0,25
		Bộ ba điểm không thẳng hàng (A, C, H); A, D, M)	0,25
	c	Các điểm nằm cùng phía với điểm B là: A, C	0,5
18 (1 đ)		<p>Quãng đường chiếc xe đi được sau $\frac{3}{2}$ giờ là:</p> $\frac{3}{2} \cdot 50 = 75$ <p>(km)</p> <p>Quãng đường đi Di chỉ khảo cổ Cát Tiên dài:</p> $75 : \frac{3}{5} = 125$ <p>(km)</p> <p>Nếu xe đi với vận tốc trung bình 60 km/h thì thời gian đi cả quãng đường là:</p> $125 : 60 = \frac{25}{12}$ <p>(giờ)</p>	0,25
			0,25

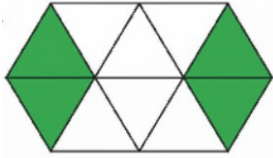
[illegible]

(HS làm cách khác nhưng đúng nội dung kiến thức, GV tự phân bước chấm điểm)

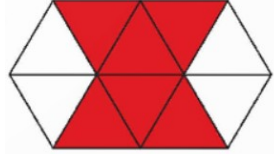
I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8 điểm)

A. Trắc nghiệm (2 điểm) (mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu 1. Phân số $\frac{6}{10}$ chỉ phần đã tô màu trong hình nào dưới đây



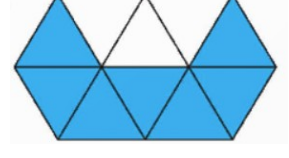
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 2. Trong các phân số sau, phân số nào không bằng phân số $\frac{-5}{10}$

A. $\frac{5}{-10}$.

B. $\frac{-1}{2}$.

C. $\frac{-5}{-10}$.

D. $\frac{-3}{6}$.

Câu 3. Trong hộp có ba quả bóng có ba màu tương ứng là xanh (X), đỏ (Đ), vàng (V). Khi lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong hộp thì tập hợp kết quả có thể xảy ra đối với màu của quả bóng được lấy ra là

A. {X; Đ; V}.

B. {X}.

C. {Đ}.

D. {V}.

Câu 4. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số ô tô bán được của cửa hàng A trong 4 tháng cuối năm 2024. Phát biểu nào sau đây là đúng

A. Tháng ⁹ cửa hàng A bán được ⁷⁰ chiếc xe.

B. Tháng ¹⁰ cửa hàng bán được ít xe nhất.

C. Tổng số xe cửa hàng A bán trong ⁴ tháng là ²²⁰ xe.

D. Số xe cửa hàng A bán được trong tháng ¹² nhiều hơn tháng ¹¹ là ²⁰ xe.

Tháng	Số ô tô
9	
10	
11	
12	
 : 20 xe  : 10 xe	

Câu 5. Nếu An tung đồng xu ²⁰ lần liên tiếp, có ¹¹ lần xuất hiện mặt S thì xác suất xuất hiện mặt N là

A. $\frac{11}{20}$.

B. $\frac{9}{11}$.

C. $\frac{11}{9}$.

D. $\frac{9}{20}$.

Câu 6. Chọn phát biểu sai

A. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng không có điểm chung.

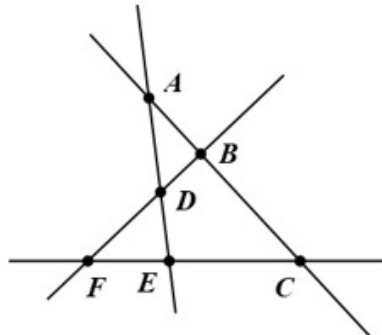
- B.** Hai đường thẳng cắt nhau có đúng một điểm chung.
C. Hai đường thẳng phân biệt là hai đường thẳng cắt nhau.
D. Hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau là hai đường thẳng phân biệt.

Câu 7. Cho hình vẽ, biết $HK = 10\text{cm}$, $HI = 3\text{cm}$. Độ dài đoạn thẳng IK là



- A.** $IK = 13\text{cm}$. **B.** $IK = 7\text{cm}$. **C.** $IK = 3\text{cm}$. **D.** $IK = 5\text{cm}$.

Câu 8. Số bộ ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ sau là



- A.** 4 . **B.** 5 . **C.** 6 . **D.** 7 .

B. Tự luận (6 điểm)

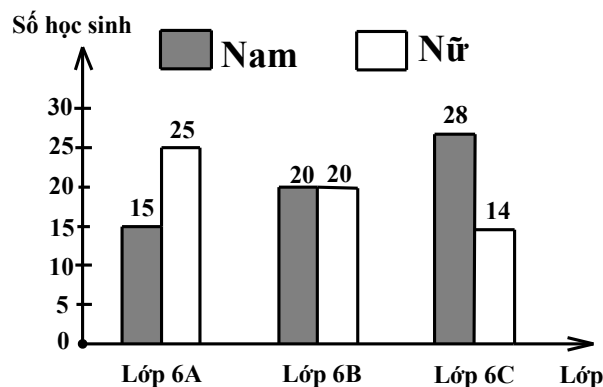
Bài 1 (1,5 điểm). Thực hiện phép tính

a) $\frac{1}{2} + \frac{-7}{3} - \frac{5}{-6}$. **b)** $\frac{5}{18} - \frac{6}{29} + \frac{13}{18} + \frac{-23}{29}$. **c)** $\frac{-3}{7} \cdot \frac{21}{13} + \frac{8}{13} \cdot \frac{3}{7} - 1\frac{2}{7}$.

Bài 2 (1,0 điểm). Tìm x , biết

a) $x + \frac{2}{3} = \frac{-4}{9}$. **b)** $\frac{x}{20} = \frac{-5}{4} + \frac{2}{5}$.

Bài 3 (1,5 điểm). Biểu đồ cột kép ở hình dưới đây cho biết số học sinh nam và nữ của 3 lớp 6A, 6B, 6C của một trường.



- a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?
- b) Lớp nào có số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ ? Nhiều hơn bao nhiêu bạn?
- c) Tính tổng số học sinh nam, tổng số học sinh nữ của cả 3 lớp 6A, 6B, 6C và cho biết số học sinh nam nhiều hay ít hơn số học sinh nữ bao nhiêu bạn?

Bài 4 (1,5 điểm). Cho đoạn thẳng AB dài $12cm$. Lấy điểm M nằm giữa hai điểm A và B sao cho $AM = 8cm$.

- a) Vẽ hình và tính độ dài đoạn thẳng MB .
- b) Gọi N là trung điểm của đoạn AM . Tính độ dài đoạn thẳng AN và NM .

Bài 5 (0,5 điểm). Cho $A = 1 + \frac{1}{3} + \frac{1}{6} + \frac{1}{10} + \dots + \frac{1}{1225}$. So sánh A với số 2.

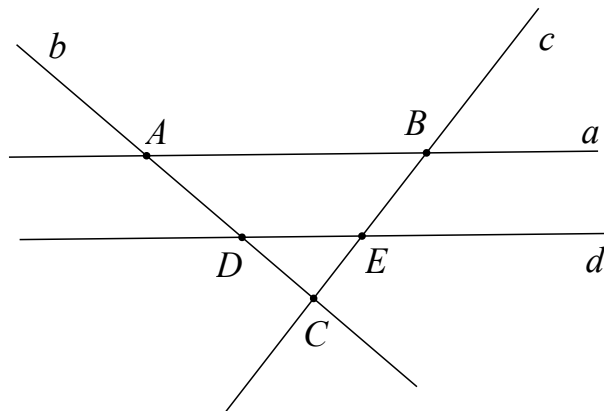
II. PHẦN RIÊNG (2 điểm) – Thí sinh chỉ làm phần tương ứng với chương trình học

2.1. Theo chương trình hệ chuẩn (Hệ A)

Bài 6 (1,0 điểm). Rút gọn các phân số sau về phân số tối giản $\frac{24}{40}$, $\frac{-20}{35}$, $\frac{11}{-143}$, $\frac{2^2 \cdot 3}{3^4 \cdot 2^3}$.

Bài 7 (1,0 điểm). Dựa vào hình vẽ bên, hãy trả lời các câu hỏi sau:

- a) Điểm D, E thuộc những đường thẳng nào? Hãy dùng kí hiệu để diễn đạt điều đó.
- b) Hãy nêu các bộ ba điểm thẳng hàng.

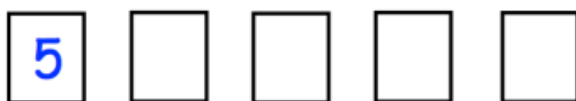


2.2. Theo chương trình hệ T

Write your answers on The answer sheet.

Exercise 1 (1 point).

Shown below are five cards which are arranged in order from smallest to largest



The range of the cards is 6.

The median of the cards is 7.

The mean of the cards is 8.

The mode of the cards is 7.

Work out the 4 missing numbers.

Exercise 2 (1 point).

a) impossible unlikely even chance likely certain

For each of the following events, choose the correct description from the words listed above.

i. Throw a six-sided dice and get a 6. _____

ii. Spin a coin and get heads. _____

b) A normal dice has six faces. The dice is thrown. Here are three events.

X: getting a 3

Y: getting more than 3

Z: getting a multiple of 3

i. Find the probability of event Z occurring.

ii. Which two outcomes are mutually exclusive?

HẾT

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài kiểm tra.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM (mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm, tổng 2 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐỀ 101	B	C	A	C	D	C	B	A

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1 (1,5 Điểm)

Thực hiện phép tính			
a)	$\frac{1}{2} + \frac{-7}{3} - \frac{5}{-6}$	b)	$\frac{5}{18} - \frac{6}{29} + \frac{13}{18} + \frac{-23}{29}$
c)	$\frac{-3}{7} \cdot \frac{21}{13} + \frac{8}{13} \cdot \frac{3}{7} - 1\frac{2}{7}$		
Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
a	0,5	a) $\frac{1}{2} + \frac{-7}{3} - \frac{5}{-6}$	

		$= \frac{3}{6} + \frac{-14}{6} + \frac{5}{6}$ $= \frac{-6}{6}$ $= -1$	
b	0,5	$\text{b)} \quad \frac{5}{18} - \frac{6}{29} + \frac{13}{18} + \frac{-23}{29}$ $= \frac{5}{18} + \frac{-6}{29} + \frac{13}{18} + \frac{-23}{29}$ $= \left(\frac{5}{18} + \frac{13}{18} \right) + \left(\frac{-6}{29} + \frac{-23}{29} \right)$ $= \frac{18}{18} + \frac{-29}{29}$ $= 1 + (-1)$ $= 0$	
c	0,5	$\text{c)} \quad \frac{-3}{7} \cdot \frac{21}{13} + \frac{8}{13} \cdot \frac{3}{7} - 1 \frac{2}{7}$ $= \frac{3}{7} \cdot \frac{-21}{13} + \frac{8}{13} \cdot \frac{3}{7} - 1 \frac{2}{7}$ $= \frac{3}{7} \cdot \left(\frac{-21}{13} + \frac{8}{13} \right) - 1 \frac{2}{7}$ $= \frac{3}{7} \cdot \frac{-13}{13} - \frac{9}{7}$ $= \frac{-3}{7} + \frac{-9}{7}$ $= \frac{-12}{7}$	

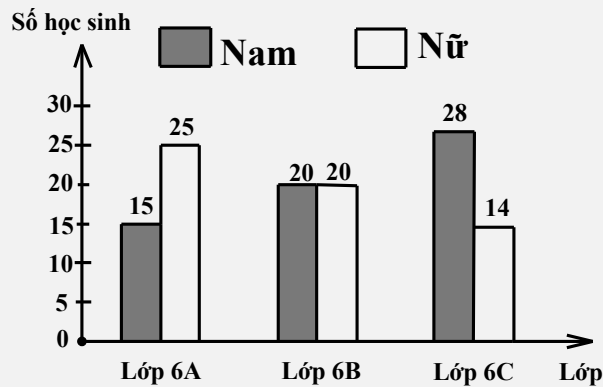
Câu 2 (1,0 Điểm)

Tìm x , biết $\text{a)} \quad x + \frac{2}{3} = \frac{-4}{9} \quad \text{b)} \quad \frac{x}{20} = \frac{-5}{4} + \frac{2}{5}$			
Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
a	0,5	$\text{a)} \quad x + \frac{2}{3} = \frac{-4}{9}$ $x = \frac{-4}{9} - \frac{2}{3}$ $x = \frac{-4}{9} + \frac{-6}{9}$ $x = \frac{-10}{9}$	

b	0,5	$\frac{x}{20} = \frac{-5}{4} + \frac{2}{5}$ $\frac{x}{20} = \frac{-25}{20} + \frac{8}{20}$ $\frac{x}{20} = \frac{-17}{20}$ $x = -17$	
---	-----	--	--

Bài 3 (1,5 điểm).

Biểu đồ cột kép ở hình dưới đây cho biết số học sinh nam và nữ của 3 lớp 6A, 6B, 6C của một trường.



- a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?
- b) Lớp nào có số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ ? Nhiều hơn bao nhiêu bạn?
- c) Tính tổng số học sinh nam, tổng số học sinh nữ của cả 3 lớp 6A, 6B, 6C và cho biết số học sinh nam nhiều hay ít hơn số học sinh nữ bao nhiêu bạn?

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
a	0,5	Lớp 6A có 15 bạn học sinh nam, 25 bạn học sinh nữ	
b	0,5	Lớp 6C có số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ và nhiều hơn $28 - 14 = 14$ (bạn)	
c	0,5	<p>Tổng số học sinh nam cả 3 lớp: $15 + 20 + 28 = 63$ (bạn)</p> <p>Tổng số học sinh nữ cả 3 lớp: $25 + 20 + 14 = 59$ (bạn)</p> <p>Số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ là $63 - 59 = 4$ (bạn)</p>	

Bài 4 (1,5 Điểm)

Cho đoạn thẳng AB dài $12cm$. Lấy điểm M nằm giữa hai điểm A và B sao cho $AM = 8cm$.

- a) Vẽ hình và tính độ dài đoạn thẳng MB .
- b) Gọi N là trung điểm của đoạn AM . Tính độ dài đoạn thẳng AN và NM .

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
------	------	--------	----------------

a	0,25 0,75	(Hình vẽ: 0,25 điểm) Ta có M nằm giữa A và B nên $AM + MB = AB$ $8 + MB = 12$ $MB = 12 - 8$ $MB = 4\text{cm}$	
b	0,5	Vì N là trung điểm của AM nên $AN = NM = \frac{AM}{2} = \frac{8}{2} = 4$ Vậy $AN = NM = 4\text{cm}$	

Bài 5 (0,5 Điểm)

Cho $A = 1 + \frac{1}{3} + \frac{1}{6} + \frac{1}{10} + \dots + \frac{1}{1225}$. So sánh A với số 2.			
Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
	0,5	$A = 1 + \frac{1}{3} + \frac{1}{6} + \frac{1}{10} + \dots + \frac{1}{1250} = \frac{2}{1.2} + \frac{2}{2.3} + \frac{2}{3.4} + \frac{2}{4.5} + \dots +$ $=$ $2 \left(1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \dots + \frac{1}{49} - \frac{1}{50} \right) = 2 \left(1 - \frac{1}{50} \right)$ $= \frac{98}{50} < 2. \text{ Vậy } A < 2.$	

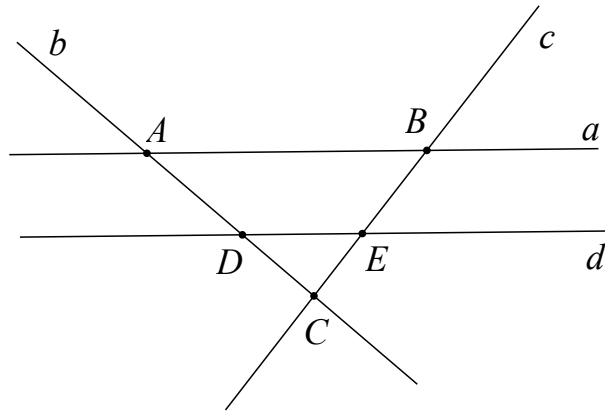
II. PHẦN RIÊNG**2.1. Theo chương trình hệ chuẩn (Hệ A)****Bài 6 (1,0 điểm).**

Rút gọn các phân số sau về phân số tối giản $\frac{-20}{35}, \frac{11}{-143}, \frac{32}{12}, \frac{-26}{-156}$.			
Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
	1	$\frac{-20}{35} = \frac{-4}{7}, \frac{11}{-143} = \frac{-1}{13}, \frac{32}{12} = \frac{8}{3}, \frac{-26}{-156} = \frac{1}{6}$.	

Bài 7 (1,0 điểm).

Dựa vào hình vẽ bên, hãy trả lời các câu hỏi sau:

- a) Điểm D, E thuộc những đường thẳng nào? Hãy dùng kí hiệu để diễn đạt điều đó.
b) Hãy nêu các bộ ba điểm thẳng hàng.



Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
a	0,5	Điểm D thuộc đường thẳng b, d Điểm E thuộc đường thẳng d, c $D \in b; D \in d; E \in d; E \in c$	
b	0,5	Các bộ ba điểm thẳng hàng là: A,D,C và B,E, C	

2.2. Theo chương trình hệ chuẩn (Hệ T)

Exercise 1 (1 point):

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
	1	5 7 7 10 11	

Exercise 2 (1 point):

Phần	Điểm	Đáp án	Thông tin thêm
a	0.5	i. unlikely ii. even chance	
b	0.5	i. $P(Z) = \frac{2}{6} = \frac{1}{3}$ ii. X and Y	

----- HẾT -----

ĐỀ 6

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,00 điểm) *Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất và dùng bút chì đen tô kín một ô tròn tương ứng phương án trả lời đúng trong phiếu trả lời trắc nghiệm.*

Câu 1. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào chưa hợp lí ? Thủ đô của các nước Châu Á là :

- A.** Hà Nội. **B.** Viên Chăn. **C.** Paris. **D.** Seoul.

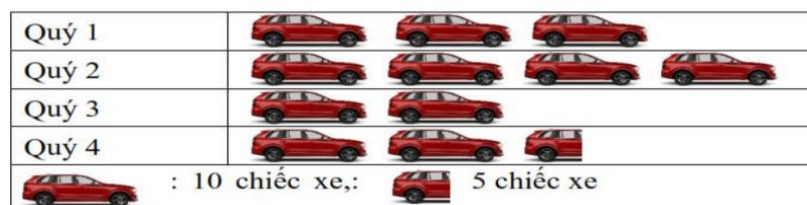
Câu 2. Thống kê điểm kiểm tra môn Toán cuối Học kì I của lớp 6A ở bảng sau:

Điểm	10	9	8	7	6	5	4
Số học sinh	2	4	4	10	8	8	4

Theo bảng thống kê trên, số bạn đạt từ điểm 8 đến điểm 10 là:

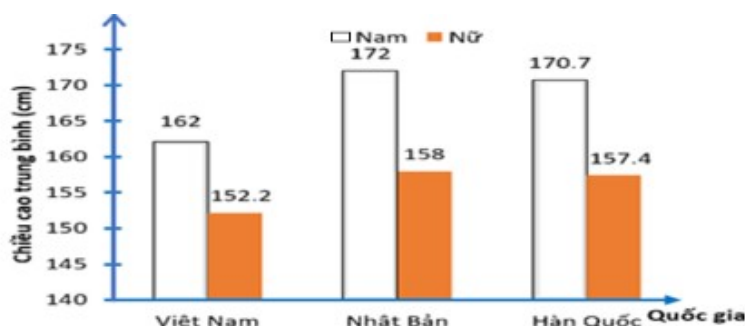
- A. 6 bạn. B. 8 bạn. C. 10 bạn. D. 40 bạn.

Câu 3. Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý của năm 2024 được biểu diễn theo biểu đồ tranh (hình bên). Tổng số xe bán được trong bốn quý là:



- A. 11 chiếc. B. 110 chiếc. C. 115 chiếc. D. 12 chiếc.

Câu 4. Chiều cao trung bình của nam và nữ ở một số quốc gia châu Á được biểu diễn theo biểu đồ cột kép (hình bên). Ở Nhật Bản trung bình nam giới cao hơn nữ giới là:



- A. 172 cm.
B. 14 cm.
C. 158 cm.
D. 15 cm.

Câu 5. Gieo xúc xắc một lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia 3 dư 1 là:

- A. {mặt 1 chấm; mặt 4 chấm}. B. {mặt 1 chấm; mặt 2 chấm}.
C. {mặt 3 chấm; mặt 4 chấm; mặt 5 chấm}. D. {mặt 1 chấm; mặt 5 chấm}.

Câu 6. Một hộp có 3 quả bóng, trong đó có 1 quả bóng xanh (X), 1 quả bóng đỏ (Đ), 1 quả bóng vàng (V), các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ra ngẫu nhiên 1 quả bóng từ trong hộp. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của quả bóng được lấy ra là:

- A. {X; Đ; V}. B. {X}. C. {Đ}. D. {V}.

Câu 7. Nếu tung một đồng xu 24 lần liên tiếp, có 15 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng:

- A. $\frac{8}{5}$. B. $\frac{5}{8}$. C. $\frac{3}{8}$. D. 15.

Câu 8. Một xạ thủ bắn 150 viên đạn vào bia, trong đó có 36 lần bắn trượt. Xác suất thực nghiệm xuất hiện số lần bắn trúng bằng:

- A. $\frac{6}{25}$. B. $\frac{19}{25}$. C. $\frac{6}{19}$. D. $\frac{25}{19}$.

Câu 9. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{12}{0}$. B. $\frac{-4}{5}$. C. $\frac{-3}{0,25}$. D. $\frac{4,4}{3,5}$.

Câu 10. Ba bạn tham gia một cuộc thi chạy tiếp sức. Bạn thứ nhất cần phải chạy $\frac{3}{8}$ quãng đường, bạn thứ hai cần phải chạy $\frac{1}{4}$ quãng đường. Hỏi bạn thứ ba cần chạy bao nhiêu phần quãng đường để về đến đích?

- A. $\frac{3}{8}$. B. $\frac{1}{2}$. C. $\frac{1}{3}$. D. $\frac{5}{8}$.

Câu 11. Viết phân số $\frac{-231}{100}$ dưới dạng số thập phân ta được
A. - 0,0231. B. - 0,231. C. - 2,31 . D. -23,1.

Câu 12. Số thập phân bé hơn -1,25 là
A. -1,24. B. -1,26. C. -1,2 . D. 1,15.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,00 điểm)

Câu 13. (1,50 điểm)

a) Hai phân số $\frac{-12}{28}$ và $\frac{9}{-21}$ có bằng nhau không ? Vì sao ?

b) Rút gọn phân số sau về phân số tối giản : $\frac{-84}{-132}$

c) Tìm x , biết : $\frac{6}{3x-4} = \frac{3}{-5}$

Câu 14. (1,00 điểm) Tính một cách hợp lí:

a) $\frac{-7}{19} + \frac{5}{6} - \frac{12}{19}$

b) $\frac{-3}{5} : \frac{7}{3} - \frac{3}{5} : \frac{7}{4} + 1\frac{3}{5}$

Câu 15. (1,00 điểm) Hai vòi nước cùng chảy vào một bể cạn không có nước. Nếu chỉ mở riêng vòi thứ nhất thì sau 2 giờ sẽ đầy bể, còn nếu chỉ mở riêng vòi thứ hai thì sau 6 giờ sẽ đầy bể. Hỏi:

- a) Trong một giờ, mỗi vòi chảy riêng thì được bao nhiêu phần của bể?
b) Nếu mở chung cả hai vòi cùng chảy ngay từ đầu thì sau bao lâu sẽ đầy bể?

Câu 16. (1,50 điểm) Biểu đồ tranh (hình bên) biểu diễn số học sinh lớp 6A thích chơi các môn thể thao.

- a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh thích chơi đá bóng ?
b) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh ?
c) Tính tỉ số của số học sinh thích chơi cầu lông và tổng số học sinh cả lớp 6A.

Môn thể thao	Số học sinh
Cầu lông	   
Nhảy dây	 
Đá bóng	     
Bóng rổ	  
(Mỗi  biểu diễn 3 học sinh)	

Câu 17. (1,50 điểm) Gieo một xúc xắc 40 lần liên tiếp, ta được kết quả ở bảng sau?

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	4	5	10	6	7	8

- a) Viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc ở mỗi lần gieo.
b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm.
c) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố.



Câu 18. (0,50 điểm) Cho $A = \frac{2023}{2024} + \frac{2024}{2025} + \frac{2025}{2026}$ và $B = \frac{2023 + 2024 + 2025}{2024 + 2025 + 2026}$. So sánh A và B ?

- HẾT -

(Đề có 02 trang; Học sinh không được sử dụng tài liệu; Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,00 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	C	B	A	A	B	B	B	A	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,00 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
13a	$\frac{-12}{28}$ và $\frac{9}{-21}$ có bằng nhau không ? Vì sao ?	0,50
	Ta có: $-12 \cdot (-21) = 9 \cdot 28 (= 252)$	0,25
	Do đó: $\frac{-12}{28} = \frac{9}{-21}$	0,25
13b	Rút gọn phân số sau về phân số tối giản : $\frac{-84}{-132}$	0,50
	Ta có: $UCLN(84,132) = 12$	0,25
	Do đó: $\frac{-84}{-132} = \frac{84:12}{132:12} = \frac{7}{11}$	0,25
13c	Tìm x , biết : $\frac{6}{3x-4} = \frac{3}{-5}$	0,50
	$(3x-4) \cdot 3 = 6 \cdot (-5)$ $(3x-4) \cdot 3 = -30$	0,25
	$3x-4 = -30:3$ $3x = -10+4$ $x = -6:3$ $x = -2$	0,25
14a	Tính một cách hợp lí $\frac{-7}{19} + \frac{5}{6} - \frac{12}{19}$	0,50
	$= \left(\frac{-7}{19} - \frac{12}{19} \right) + \frac{5}{6} = \frac{-19}{19} + \frac{5}{6}$	0,25
	$= -1 + \frac{5}{6} = \frac{-6+5}{6} = \frac{-1}{6}$	0,25

	$\frac{-3}{5} : \frac{7}{3} - \frac{3}{5} : \frac{7}{4} + 1\frac{3}{5}$ Tính một cách hợp lí	0,50
14b	$= \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{7} - \frac{3}{5} \cdot \frac{4}{7} + \frac{8}{5}$ $= \frac{-3}{5} \left(\frac{3}{7} + \frac{4}{7} \right) + \frac{8}{5}$	0,25
	$= \frac{-3}{5} + \frac{8}{5}$ $= 1$	0,25
15	Hai vòi nước cùng chảy vào một bể nước cạn không có nước. Nếu mở riêng vòi thứ nhất thì sau 2 giờ sẽ đầy bể, còn nếu mở riêng vòi thứ hai thì sau 6 giờ sẽ đầy bể. Hỏi: a) Trong một giờ, mỗi vòi chảy riêng thì được bao nhiêu phần của bể? b) Nếu mở chung cả hai vòi cùng chảy ngay từ đầu thì sau bao lâu sẽ đầy bể?	1,00
15a	Trong 1 giờ, vòi thứ nhất chảy được số phần bể là: $1 : 2 = \frac{1}{2}$ (bể)	0,25
	Trong 1 giờ, vòi thứ hai chảy được số phần bể là: $1 : 6 = \frac{1}{6}$ (bể)	0,25
15b	Trong một giờ cả hai vòi cùng chảy thì được số phần bể là: $\frac{1}{2} + \frac{1}{6} = \frac{2}{3}$ (bể)	0,25
	Thời gian để cả hai vòi cùng chảy đến khi đầy bể là: $1 : \frac{2}{3} = \frac{3}{2}$ (giờ)	0,25
16	Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số học sinh lớp 6A thích chơi các môn thể thao. a) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh thích chơi đá bóng ? b) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh ? c) Tính tỉ số của số học sinh thích chơi cầu lông so với tổng số học sinh cả lớp 6A.	1,50
16a	Số học sinh thích chơi đá bóng là: $6 \cdot 3 = 18$ (học sinh)	0,50
16b	Lớp 6A có: $(4 + 2 + 6 + 3) \cdot 3 = 45$ (học sinh)	0,50
16c	Số học sinh thích chơi cầu lông : $4 \cdot 3 = 12$ (học sinh)	0,25
	Tỉ số của số học sinh thích chơi cầu lông so với tổng số học sinh cả lớp 6A: $\frac{12}{45} = \frac{4}{15}$	0,25
17	Gieo một xúc xắc 40 lần liên tiếp, ta được kết quả ở bảng sau? a) Viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc ở mỗi lần gieo. b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm. c) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố.	1,50
17a	Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc ở mỗi lần gieo là {mặt 1 chấm; mặt 2 chấm; mặt 3 chấm; mặt 4 chấm; mặt 5 chấm; mặt 6 chấm}	0,50
17b	Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm là: $\frac{8}{40} = \frac{1}{5}$	0,50
17c	Mặt có số chấm là số nguyên tố là: mặt 2 chấm; mặt 3 chấm; mặt 5 chấm	0,25
	Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố là:	0,25

	$\frac{5+10+7}{40} = \frac{11}{20}$	
18	Cho $A = \frac{2023}{2024} + \frac{2024}{2025} + \frac{2025}{2026}$ và $B = \frac{2023+2024+2025}{2024+2025+2026}$. So sánh A và B ?	0,50
	Ta có $2023+2024+2025 < 2024+2025+2026$ nên $B < 1$	0,25
	$A = \frac{2023}{2024} + \frac{2024}{2025} + \frac{2025}{2026} > \frac{2023}{2024} + \frac{2025}{2026} > \frac{1012}{2024} + \frac{1013}{2026} = \frac{1}{2} + \frac{1}{2} = 1$ Do đó $A > B$	0,25

ĐỀ 7

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN 6

PHẦN I: Trắc nghiệm khách quan (2,0 điểm). Học sinh chọn câu trả lời đúng nhất ghi vào giấy kiểm tra (gồm Câu ..., phương án trả lời A, B, C, D).

Câu 1: Tìm x biết: $x - \frac{4}{9} = \frac{5}{9}$

A. $\frac{1}{9}$

B. $\frac{2}{9}$

C. $\frac{1}{3}$

D. 1

Câu 2: $\frac{3}{7}$ của 42 kg đường là :

A. 15kg

B. 20kg

C. 18kg

D. 30kg

Câu 3 : Tìm một số, biết : $\frac{3}{4}$ của nó là 15, số đó là :

A. 12

B. 20

C. 18

D. 24

Câu 4 : Kết quả của phép tính $\frac{2}{3} + \frac{-1}{7}$ là :

A. $\frac{11}{21}$

B. $\frac{-11}{21}$

C. $\frac{1}{21}$

D. $\frac{-1}{21}$

Câu 5 : Tìm x biết: $\frac{x}{7} = \frac{-5}{35}$

A. $x = 1$

B. $x = 35$

C. $x = -1$

D. $x = -35$

Câu 6 : Hình nào sau đây là hình có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 7: Hình nào sau đây là hình có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

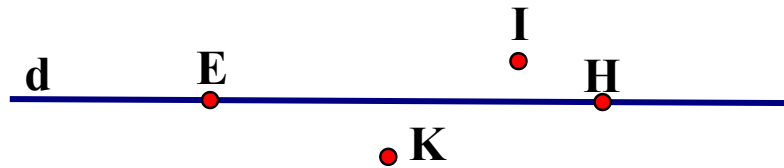
B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 8: Cho hình vẽ ,
phát biểu đúng :

chọn



A. $I \in d$

B. $E \notin d$

C. $K \in d$

D. $H \in d$

II/ TỰ LUẬN :

Bài 1: (2,0đ) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2}{7} + \frac{6}{7} \cdot \left(\frac{-2}{3} \right)$

b) $\frac{5}{12} \cdot \frac{5}{13} + \frac{21}{13} \cdot \frac{5}{12}$

Bài 2: (1,5 đ) Tìm x , biết:

a) $\frac{7}{8} - x = \frac{3}{5}$

b) $\frac{5}{2} + \frac{4}{7}x = \frac{3}{2}$

Bài 3: (1,5 đ)

Một quyển sách dày 480 trang. Ngày thứ nhất bạn Bình đọc được $\frac{5}{12}$ số trang sách.

Ngày thứ hai bạn Bình đọc được $\frac{3}{7}$ số trang sách còn lại. Ngày thứ ba bạn Bình đọc xong quyển sách. Tính số trang sách bạn Bình đọc được mỗi ngày ?

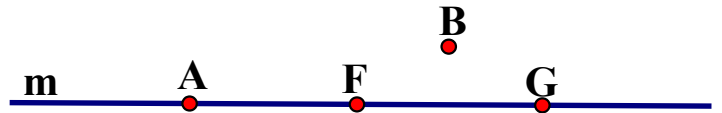
Bài 4: (1,0đ)

Một bác nông dân vừa thu hoạch 60kg dưa leo và 35kg rau xà lách.

a) Bác đem $\frac{4}{5}$ số dưa leo đó đem đi bán, giá bán mỗi ki-lô-gam dưa leo là 15.000đ. Hỏi bác nông dân bán được bao nhiêu tiền dưa leo ?

b) Số rau xà lách bác thu hoạch được chỉ bằng $\frac{7}{8}$ số rau xà lách hiện có trong vườn. Hỏi nếu bác thu hoạch hết cả vườn thì được bao nhiêu kg rau xà lách ?

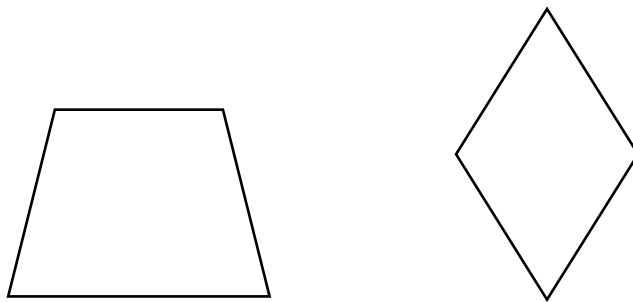
Bài 5 : (1,0 đ) cho hình vẽ :



- Nêu tên 3 điểm thẳng hàng.
- Nêu tên 3 điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại?

Bài 6 : (1,0 đ) Cho hình vẽ :

- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình thang cân.
- Hãy tìm I là tâm đối xứng của hình thoi.



HẾT

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

PHẦN I: Trắc nghiệm khách quan (2,0 điểm).

Học sinh chọn câu trả lời đúng nhất ghi vào giấy kiểm tra. Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	B	A	C	B	A	D

PHẦN II: Tự luận (8,0 điểm).

Bài 1 (2,0 điểm): Thực hiện phép tính.

<p>a)) $\frac{2}{7} + \frac{6}{7} \cdot \left(\frac{-2}{3} \right)$</p> <p>$= \frac{2}{7} + \frac{-4}{7}$</p> <p>$= \frac{-2}{7}$</p>	<p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>	<p>b) $\frac{5}{12} \cdot \frac{5}{13} + \frac{21}{13} \cdot \frac{5}{12}$</p> <p>$= \frac{5}{12} \cdot \left(\frac{5}{13} + \frac{21}{13} \right)$</p> <p>$= \frac{5}{12} \cdot 2$</p> <p>$= \frac{5}{6}$</p>	<p>0,5 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>
--	---------------------------	---	--

Bài 2 (1,5 điểm): Tìm x, biết.

<p>a) $\frac{7}{8} - x = \frac{3}{5}$</p> <p>$x = \frac{7}{8} - \frac{3}{5}$</p> <p>$x = \frac{11}{40}$</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p>	<p>b) $\frac{5}{2} + \frac{4}{7}x = \frac{3}{2}$</p> <p>$\frac{4}{7}x = \frac{3}{2} - \frac{5}{2}$</p> <p>$\frac{4}{7}x = -1$</p> <p>$x = -1 : \frac{4}{7}$</p> <p>$x = -1 \cdot \frac{7}{4}$</p> <p>$x = -\frac{7}{4}$</p>	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>
--	------------------------	---	---

Bài 3 (1,5 điểm):

Số trang sách ngày thứ nhất Bình đọc được là:

$$480 \cdot \frac{5}{12} = 200 \text{ (trang)}$$

Số trang sách ngày thứ hai Bình đọc được là:

$$(480 - 200) \cdot \frac{3}{7} = 120 \text{ (trang)}$$

Số trang sách ngày thứ ba Bình đọc được là:

0,5 đ

0,5 đ

	$480 - 200 - 120 = 160$ (trang)	0,5 đ
Bài 4 (1,0 điểm):	<p>a) Số kg dưa leo Bác nông dân đem đi bán là:</p> $60 \cdot \frac{4}{5} = 48 \text{ (kg)}$ <p>Số tiền bán dưa leo được là:</p> $48 \cdot 15\,000 = 720\,000 \text{ đồng.}$ <p>b) Số rau xà lách Bác thu hoạch hết cả vườn là:</p> $35 : \frac{7}{8} = 40 \text{ (kg)}$	<p>0,25 đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,5đ</p>
Bài 5 (1,0 điểm):	<p>a) 3 điểm thẳng hàng : A , F, G.</p> <p>b) 3 điểm không thẳng hàng: A,F,B hoặc A,B,G.</p> <p>c) Trong 3 điểm thẳng hàng, F nằm giữa A và G.</p>	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,5 đ</p>
Bài 6 (1,0 điểm):	<p>a)</p> <p>b)</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>

Ghi chú: HS có cách giải khác đúng vẫn cho điểm tương đương đối với câu đó.

PHẦN I: Trắc nghiệm có nhiều lựa chọn (20 câu – 5 điểm)

Câu 1(B): Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{1}{3}$ là

- A. 3. B. $\frac{-1}{3}$. C. -3. D. 1.

Câu 2.(B) : Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{0,25}{-3}$ C. $\frac{5}{0}$ D. $\frac{6,23}{7,4}$

Câu 3.(NB) Hai phân số $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ khi nào?

- A. $ac = bd$ B. $ab = cd$ C. $ad = bc$ D. $a + c = b + d$

Câu 4(B): Phân số đối của phân số $-\frac{3}{7}$ là

- A. $-\frac{-3}{-7}$. B. $\frac{3}{-7}$. C. $\frac{-3}{7}$. D. $\frac{3}{7}$.

Câu 5: (H) Khẳng định nào sau đây **đúng**?

- A. $-\frac{2}{7} > \frac{1}{7}$ B. $\frac{2}{7} < \frac{1}{7}$ C. $\frac{2}{7} = -\frac{1}{7}$ D. $\frac{2}{7} > \frac{1}{7}$

Câu 6:(H) Phân số $\frac{2}{7}$ bằng phân số

- A. $\frac{6}{20}$. B. $\frac{-2}{7}$. C. $\frac{4}{10}$. D. $-\frac{4}{-14}$.

Câu 7:(VD) Kết quả của phép tính $\frac{1}{2} + \frac{3}{4}$ bằng

- A. $\frac{5}{4}$. B. $\frac{-2}{7}$. C. $\frac{4}{10}$. D. $-\frac{4}{-14}$.

$$\frac{-2}{5} + \frac{3}{6} + \frac{2}{5}$$

Câu 8: (VD) Kết quả của phép tính bằng

A. $\frac{3}{16}$.

B. $\frac{1}{2}$.

C. $\frac{10}{16}$.

D. $\frac{39}{30}$.

Câu 9: (B) Số đối của số thập phân $-3,7$ là

A. $-3,7$

B. $3,7$

C. $-7,3$

D. 37

$$\frac{2025}{100}$$

Câu 10: (B) Viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân là

A. $0,2025$.

B. $2,025$.

C. $20,25$.

D. $202,5$.

Câu 11: (B) Số thập phân $195,4$ viết dưới dạng phân số thập phân là

A. $\frac{1954}{10}$.

B. $\frac{1954}{100}$.

C. $\frac{1954}{1000}$.

D. $\frac{1954}{10000}$.

Câu 12: (B) Số thập phân $-2,5$ viết dưới dạng phân số là

A. $\frac{-5}{2}$.

B. $\frac{-2}{5}$.

C. $-\left(\frac{-5}{2}\right)$.

D. $-\frac{-5}{2}$.

Câu 13: (H) Khẳng định nào sau đây đúng?

A. $-25,1 > -24,04$.

B. $-13,05 > -11,92$.

C. $10,25 > 10,052$.

D. $10,25 < 10,052$.

Câu 14: (H) Viết các số thập phân $20,24; 20,25; -14,07; -14,12$ theo thứ tự tăng dần là

A. $20,24; 20,25; -14,07; -14,12$

B. $-14,12; -14,07; 20,24; 20,25$

C. $20,25; 20,24; -14,07; -14,12$

D. $-14,12; -14,07; 20,25; 20,24$

Câu 15 (VD) Kết quả của phép tính $15,3 - 21,5$ bằng

A. $2,6$.

B. $-6,2$.

C. $6,2$.

D. $-2,6$.

Câu 16 (VD) Kết quả của phép tính $2,1 + 4,2 + (-2,1) - 4$ bằng

A. $3,8$.

B. $0,2$.

C. $4,4$.

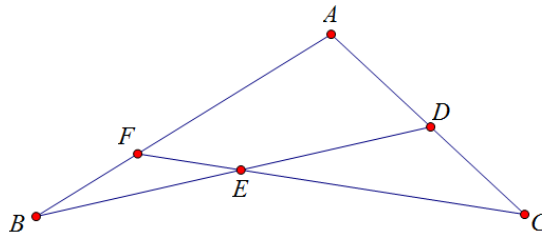
D. $-0,2$.

Câu 17 (B) Trong hình 1, bộ ba điểm thẳng hàng là

- A.** A, B, E .
B. B, F, D .
C. D, A, E .
D. C, E, F .

B.

D.



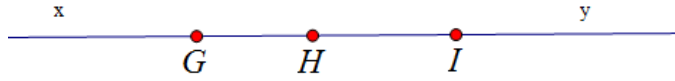
Câu 18 (B) Trong hình 2, hai tia trùng nhau là tia

- A.** GI, HI .
B. Hx, HI .

B.

C. GI, Gy .

D. GI, Ix .



Hình

Câu 19 (B) Trong hình 3, có bao nhiêu đoạn thẳng

- A.** 1. **B.** 2.
C. 3. **D.** 4.



Hình

Câu 20 (B) Trong hình 3, độ dài đoạn thẳng AC bằng

- A.** $8cm$. **B.** $2cm$. **C.** $6cm$. **D.** $9cm$.

PHẦN II: Trắc nghiệm đúng sai (2 câu – 2 điểm)

Câu 21: Chị Mai mới đi làm và nhận được tháng lương đầu tiên là 12 triệu đồng, Chị

dùng một nửa số tiền đó để chi tiêu thường xuyên trong tháng, $\frac{1}{5}$ số tiền để mua quà biếu bố mẹ, $\frac{1}{6}$ số tiền mua quà cho bản thân, số tiền còn lại chị gửi tiết kiệm.

- a) (B) Số tiền chị Mai chi tiêu thường xuyên trong tháng là 6 triệu đồng.
b) (B) Số tiền chị Mai mua quà biếu bố mẹ là 2,1 triệu đồng.
c) (H) Số tiền chị Mai mua quà cho bản thân là 2 triệu đồng.
d) Số tiền gửi tiết kiệm là 1,5 triệu đồng.

Câu 22. Bạn Cường ra siêu thị mua 3kg khoai tây giá 18 nghìn đồng; 4,5 kg củ cải giá 16 nghìn đồng.

- a) Số tiền mua khoai tây là 54 nghìn đồng.

- b) Số tiền mua củ cải là 65 nghìn đồng.
- c) Tổng số tiền hàng là 130 nghìn đồng
- d) Khi thanh toán Cường phải trả thêm tiền thuế VAT , được tính bằng 10% tổng số tiền hàng . Số tiền Cường phải thanh toán là 137,5 nghìn đồng.

PHẦN III: Tự luận(2 câu – 3 điểm)

Câu 23. a) (0,5đ) So sánh phân số $\frac{3}{-5}$ và $\frac{-4}{5}$

$$\frac{13}{17} \cdot \frac{3}{19} + \frac{13}{17} \cdot \frac{16}{19}$$

b) (0,5đ) Thực hiện phép tính

Câu 24.(1 đ) Bác An gửi 80 triệu đồng vào ngân hàng với lãi suất không kỳ hạn là 0,3%/năm. Hỏi sau 1 năm số tiền cả vốn lẫn lãi của bác An là bao nhiêu?

Câu 25. (0,5đ) Cho đoạn thẳng AB = 8cm. Trên đoạn thẳng AB lấy điểm C sao cho AC = 4cm. Điểm C có phải là trung điểm của đoạn thẳng AB hay không?

----- Hết -----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

PHẦN 1. Trắc nghiệm có nhiều lựa chọn (20 câu – 5 điểm)

1.A	2.A	3.C	4.D	5.D	6.D	7.A	8.B	9.B	10.C
11.A	12.A	13.C	14.B	15.B	16.B	17.D	18.C	19.C	20A

PHẦN II: Trắc nghiệm đúng sai (2 câu – 2 điểm)

Câu 21	a) Đúng	b) Sai	c) Đúng	b) Sai
Câu 22	a) Đúng	b) Sai	c) Sai	b) Đúng

PHẦN III: Tự luận(2 câu – 3 điểm)

Câu 23.	<p>a) (0,5đ) So sánh phân số $\frac{3}{-5}$ và $\frac{-4}{5}$</p> <p>Ta có: $\frac{3}{-5} = \frac{-3}{5}$. Vì $-3 > -4$ nên $\frac{-3}{5} > \frac{-4}{5}$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
----------------	--	-------------------------

	$\frac{3}{-5} > \frac{-4}{5}$ <p>hay</p>	
	<p>b) (0,5đ) Thực hiện phép tính</p> $\frac{13}{17} \cdot \frac{3}{19} + \frac{13}{17} \cdot \frac{16}{19} = \frac{13}{17} \cdot \left(\frac{3}{19} + \frac{16}{19} \right)$ $= \frac{13}{17} \cdot 1 = \frac{13}{17}$	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 24.	<p>Bác An gửi 80 triệu đồng vào ngân hàng với lãi suất không kỳ hạn là 0,3%/năm. Hỏi sau 1 năm số tiền cả vốn lẫn lãi của bác An là bao nhiêu?</p> <p>Số tiền lãi của bác An sau 1 năm là</p> $80 \cdot 0,3\% = 0,24 \text{ (triệu đồng)}$ <p>Số tiền nhận được cả vốn lẫn lãi của bác An sau 1 năm là</p> $80 + 0,24 = 80,24 \text{ (triệu đồng).}$	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
Câu 25.	<p>Cho đoạn thẳng $AB = 9\text{cm}$. Trên đoạn thẳng AB lấy điểm C sao cho $AC = 4\text{cm}$. Điểm C có phải là trung điểm của đoạn thẳng AB hay không?</p> <p>Vì điểm C nằm giữa A và B nên $BC = AB - AC$</p> <p>Hay $BC = 9 - 4 = 5 \text{ (cm)}$</p> <p>Vậy điểm C không là trung điểm của đoạn thẳng AB.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Chọn một trong các chữ cái A, B, C hoặc D đứng trước phương án trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{3}{-7}$. B. $\frac{1,2}{-5}$. C. $\frac{12}{0}$. D. $\frac{3,5}{12}$.

Câu 2. Số đối của $\frac{-1}{5}$ là

- A. 5. B. $\frac{1}{5}$. C. -5. D. $-\frac{1}{5}$.

Câu 3. Hỗn số $3\frac{1}{3}$ được viết dưới dạng phân số là

- A. $\frac{7}{3}$. B. $\frac{4}{3}$. C. $\frac{10}{3}$. D. $\frac{6}{3}$.

Câu 4. Hai phân số $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ khi

- A. $a \cdot c = b \cdot d$ B. $a \cdot d = b \cdot c$
C. $a + c = b + d$ D. $a : c = b : d$

Câu 5. Phân số $\frac{-31}{10}$ được viết dưới dạng số thập phân là

- A. -1,3. B. 1,3. C. -3,1. D. 3,1.

Câu 6. Số đối của số thập phân -0,5 là

- A. $\frac{-5}{100}$. B. $\frac{-5}{10}$. C. $\frac{5}{10}$. D. $\frac{5}{100}$.

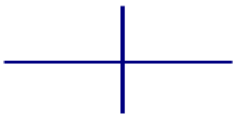
Câu 7. Kết quả phép tính $(-11,5) + (-0,5)$ là

- A. 12. B. -10. C. -12. D. 10.

Câu 8. Kết quả phép tính $(-4,5) : 1,5$ là

- A. 3. B. -3. C. 0,3. D. -0,3.

Câu 9. Hình vẽ nào sau đây cho ta hình ảnh hai đường thẳng song song?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

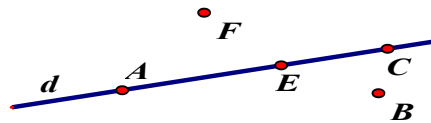
- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 10. Cho hình vẽ. Khẳng định nào sau đây là **sai** ?



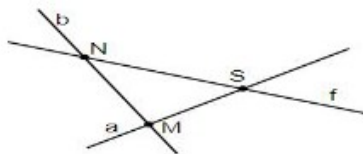
- A. Điểm Q nằm giữa hai điểm P và R. B. Điểm R nằm giữa hai điểm P và K.
C. Điểm Q nằm giữa hai điểm P và K. D. Điểm R nằm giữa hai điểm P và Q.

Câu 11. Cho hình vẽ. Khẳng định nào sau đây là **đúng** ?



- A. Ba điểm A, F, E thẳng hàng. B. Ba điểm A, E, C thẳng hàng.
C. Ba điểm A, B, C thẳng hàng. D. Ba điểm E, B, C thẳng hàng.

Câu 12. Trên hình vẽ, những điểm nào thuộc đường thẳng a ?



- A. M và N. B. S và M. C. N và S. D. M, N và S.

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Dùng quy tắc bằng nhau của phân số, hãy giải thích vì sao cặp phân số sau bằng nhau và tìm x?

a) $\frac{-3}{7} = \frac{-27}{63}$

b) $\frac{x}{4} = \frac{-45}{12}$

Bài 2. (1,5 điểm)

a) So sánh $\frac{-5}{9}$ và $\frac{-1}{6}$.

b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: -6,3; 0; 7,3; -5,5.

Bài 3. (1 điểm) Việt có 30 viên bi. Việt cho Nam $\frac{1}{3}$ số viên bi của mình. Hỏi Việt còn lại bao nhiêu viên bi?

Bài 4. (1 điểm) Thực hiện các phép tính sau (*tính hợp lý nếu có thể*):

a) $\frac{8}{9} + \frac{5}{9} : 5 - \frac{1}{3}$.

b) $(-12,34) + 7,6 - 2,66 + 2,4$.

Bài 5. (1,5 điểm) Vẽ trên cùng một hình theo cách diễn đạt sau :

- Vẽ đường thẳng d đi qua điểm A cho trước ;
- Trên đường thẳng d lấy 2 điểm B , C sao cho điểm C nằm giữa hai điểm A và B ;
- Vẽ đường thẳng MB sao cho 3 điểm M, B, C không thẳng hàng ;
- Qua M vẽ đường thẳng MC.

Bài 6. (1 điểm)

a) Tính giá trị biểu thức :

$$A = \left(-\frac{1}{2}\right) + \left(-\frac{1}{6}\right) + \left(-\frac{1}{12}\right) + \left(-\frac{1}{20}\right) + \left(-\frac{1}{30}\right) + \left(-\frac{1}{42}\right) + \left(-\frac{1}{56}\right) + \left(-\frac{1}{72}\right) + \left(-\frac{1}{90}\right)$$

b) Chứng tỏ rằng $\frac{12n+1}{30n+2}$ là phân số tối giản.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 1/3 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	B	C	B	C	C	C	B	C	D	B	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
1 (1,0đ)	Bài 1. (1 điểm) Dùng quy tắc bằng nhau của phân số, hãy giải thích vì sao cặp phân số sau bằng nhau và tìm x? a) $\frac{-3}{7} = \frac{-27}{63}$	
	b) $\frac{x}{4} = \frac{-45}{12}$	
	a) $\frac{-3}{7} = \frac{-27}{63}$ vì $-3 \cdot 63 = 7 \cdot (-27) = -189$	0,5
	b) Vì $\frac{x}{4} = \frac{-45}{12}$ nên $12 \cdot x = (-45) \cdot 4$ $y = \frac{(-45) \cdot 4}{12}$ $y = -15$	0,25 0,25
2 (1,5đ)	Bài 2. (1,5 điểm) a) So sánh $\frac{-5}{9}$ và $\frac{-1}{6}$ b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: -6,3; 0; 7,3; -5,5.	
	a) BCNN (9; 6) = 18. $\frac{-5}{9} = \frac{-5 \cdot 2}{9 \cdot 2} = \frac{-10}{18}$ $\frac{-1}{6} = \frac{-1 \cdot 3}{6 \cdot 3} = \frac{-3}{18}$ Vì $-10 < -3$ nên $\frac{-10}{18} < \frac{-3}{18}$ Vậy $\frac{-5}{9} < \frac{-1}{6}$ b) Kết quả các số theo thứ tự tăng dần là: $-6,3 < -5,5 < 0 < 7,3$.	0,25 0,25 0,25 0,75
3	Bài 3. (1 điểm) Việt có 30 viên bi. Việt cho Nam $\frac{1}{3}$ số viên bi của mình. Hỏi Việt còn lại bao nhiêu viên bi?	

(1,0đ)	Số viên bi Việt cho Nam là: $30 \cdot \frac{1}{3} = 10$ (viên bi). Số viên bi Việt còn lại là: $30 - 10 = 20$ (viên bi).	0,5 0,5
4 (1,0đ)	Bài 4. (1 điểm) Thực hiện các phép tính sau (<i>tính hợp lý nếu có thể</i>): a) $\frac{8}{9} + \frac{5}{9} : 5 - \frac{1}{3}$. b) $(-12,34) + 7,6 - 2,66 + 2,4$.	
	a) $\frac{8}{9} + \frac{5}{9} : 5 - \frac{1}{3}$ $= \frac{8}{9} + \frac{1}{9} - \frac{1}{3}$ $= 1 - \frac{1}{3}$ $= \frac{3}{3} - \frac{1}{3}$ $= \frac{2}{3}$	0,25 0,25
	b) $(-12,34) + 7,6 - 2,66 + 2,4$ $= (-12,34 - 2,66) + (7,6 + 2,4)$ $= (-15) + 10$ $= -5$	0,25 0,25
5 (1,5đ)	Bài 5. (1,5 điểm) Vẽ trên cùng một hình theo cách diễn đạt sau : - Vẽ đường thẳng d đi qua điểm A cho trước ; - Trên đường thẳng d lấy 2 điểm B , C sao cho điểm C nằm giữa hai điểm A và B ; - Vẽ đường thẳng MB sao cho 3 điểm M, B, C không thẳng hàng ; - Qua M vẽ đường thẳng MC.	
	- Vẽ đúng ý 1 - Vẽ đúng ý 2 - Vẽ đúng ý 3 - Vẽ đúng ý 4	0,5 0,25 0,5 0,25
6 (1,0đ)	Bài 6. (1 điểm) a) Tính : $A = \left(-\frac{1}{2}\right) + \left(-\frac{1}{6}\right) + \left(-\frac{1}{12}\right) + \left(-\frac{1}{20}\right) + \left(-\frac{1}{30}\right) + \left(-\frac{1}{42}\right) + \left(-\frac{1}{56}\right) + \left(-\frac{1}{72}\right) + \left(-\frac{1}{90}\right)$ b) Chứng tỏ rằng $\frac{12n+1}{30n+2}$ là phân số tối giản.	

	$\begin{aligned} \text{a) } A &= \left(-\frac{1}{2}\right) + \left(-\frac{1}{6}\right) + \left(-\frac{1}{12}\right) + \left(-\frac{1}{20}\right) + \left(-\frac{1}{30}\right) + \left(-\frac{1}{42}\right) + \left(-\frac{1}{56}\right) + \left(-\frac{1}{72}\right) + \left(-\frac{1}{90}\right) \\ &= - \left(\frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \frac{1}{4.5} + \frac{1}{5.6} + \frac{1}{6.7} + \frac{1}{7.8} + \frac{1}{8.9} + \frac{1}{9.10}\right) \\ &= - \left(1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{6} + \frac{1}{6} - \frac{1}{7} + \frac{1}{7} - \frac{1}{8} + \frac{1}{8} - \frac{1}{9} + \frac{1}{9} - \frac{1}{10}\right) \\ &= - \left(1 - \frac{1}{10}\right) \\ &= -\frac{9}{10} \end{aligned}$	0,25
	$\text{b) Gọi } UCLN(12n+1; 30n+2) = d \Rightarrow \begin{cases} 12n+1 : d \\ 30n+2 : d \end{cases} \text{ Ta có :}$ $5(12n+1) - 2(30n+2) : d \Rightarrow 1 : d \Rightarrow d = 1$ <p>Vậy $12n+1; 30n+2$ nguyên tố cùng nhau nên $\frac{12n+1}{30n+2}$ là phân số tối giản</p>	0,25 0,25

Lưu ý:

- 1) Học sinh có thể giải cách khác nếu đúng thì vẫn ghi điểm tối đa.
- 2) Cách tính điểm toàn bài = (Số câu TN đúng x 0,25) + điểm TL (làm tròn 1 chữ số thập phân)

ĐỀ 10	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6
--------------	---

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (Chọn và ghi vào bài kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng).

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số:

- A. $\frac{2025}{0}$. B. $\frac{2,7}{21}$. C. $\frac{5}{7,2}$. D. $-\frac{21}{2}$.

Câu 2. Phân số đối của phân số $-\frac{6}{5}$ là:

- A. $\frac{6}{5}$. B. $\frac{5}{6}$. C. $-\frac{5}{6}$. D. $-\frac{5}{-6}$.

Câu 3. Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{-8}{17}$ là:

- A. $\frac{17}{8}$. B. $\frac{17}{-8}$. C. $\frac{8}{17}$. D. $\frac{-17}{-8}$.

Câu 4. Tính 25% của 12 bằng:

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 6.

Câu 5. Làm tròn số thập phân 81,24035 đến hàng phần trăm ta được số:

- A. 81, 2. B. 81,25. C. 81. D. 81,24.

Câu 6. Khi gieo hai con xúc sắc, gọi T là tổng số chấm trên hai con xúc sắc thì kết quả nào sau đây không thể xảy ra?

- A. T=4. B. T=1. C. T=6. D. T=3.

Câu 7. Cho góc xOy có số đo là 70° . Góc xOy là góc:

- A. Nhọn. B. Vuông. C. Tù. D. Bẹt.

Câu 8. Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng CD khi:

- A. M nằm giữa C và D. B. $MC = MD$.

- C. $MC = MD = \frac{1}{2}CD$. D. $MC + MD = CD$.

Phần II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (Học sinh trả lời câu 9. Trong mỗi ý A), B), C), D), học sinh chọn đúng hoặc sai)

Câu 9. Một lớp có 40 học sinh gồm 3 loại: Tốt, Khá và Đạt. Số học sinh Tốt chiếm 20% số học sinh cả lớp. Số học sinh Đạt bằng $\frac{3}{8}$ số học sinh còn lại.

- A) Số học sinh Tốt là: 8 (học sinh).
 B) Tổng số học sinh Khá và Đạt là: 30 (học sinh).
 C) Số học sinh Đạt là: 12 (học sinh).

D) Số học sinh khá là: 20 (học sinh).

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (Học sinh trả lời từ câu 10 đến câu 11, trong mỗi câu học sinh chỉ cần ghi kết quả)

Số nguyên thích hợp điền vào chỗ trống sau $\frac{17}{19} < \frac{\dots}{19} < 1$ là:.....

Câu 10.

Câu 11. Đoạn thẳng MN dài 10 cm. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng MN. Khi đó, đoạn thẳng MI dài: (cm)

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 12. (1,0 điểm) Tính hợp lí:

a) $\frac{8}{31} - \frac{13}{38} + \frac{23}{31} - \frac{25}{38} + \frac{9}{19}$

b) $\frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{6}{7}$

Câu 13. (1,5 điểm) Tìm x , biết:

a) $x + 8,5 = 21,7$ b) $\frac{1}{2} + \frac{3}{5} \cdot (x - 2) = \frac{1}{5}$ c) $\frac{1}{4} - \left(2x + \frac{1}{2}\right)^2 = 0$

Câu 14. (1,0 điểm)

Mai ra siêu thị mua 3,5kg táo và 4kg cam. Giá (chưa tính thuế) của 1 kg táo là 30 nghìn đồng; 1kg cam là 40 nghìn đồng.

a) Tính tổng số tiền hàng.

b) Khi thanh toán Mai phải trả thêm tiền thuế giá trị gia tăng (VAT) được tính bằng 10% tổng số tiền hàng. Tính số tiền Mai phải thanh toán.

Câu 15. (2,0 điểm)

Vẽ tia Ox, trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho OM = 3cm, ON = 8cm. Trên tia đối của tia Ox lấy điểm C sao cho OC = 2cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.

b) Điểm M có phải là trung điểm của đoạn thẳng NC không? Vì sao?

c) Gọi tia đối của tia Ox là tia Oy, vẽ tia Oz sao cho $\angle Oz = 60^\circ$. Kể tên các góc có trong hình tạo bởi các tia Ox, tia Oy và Oz? Hãy cho biết đâu là góc nhọn, góc tù, góc bẹt?

Câu 16. (0,5 điểm)

Cho $M = \frac{1}{2^3} + \frac{2}{3^3} + \frac{3}{4^3} + \dots + \frac{2023}{2024^3} + \frac{2024}{2025^3}$. Chứng tỏ rằng giá trị của M không phải là một số tự nhiên.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

1. Dạng câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2,0đ)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	B	C	D	B	A	C

2. Dạng câu trắc nghiệm đúng sai (1,0đ)

Ý Câu	A	B	C	D	Biểu điểm
9	Đ	S	Đ	Đ	– HS đúng 01 ý đạt 0,1 điểm. – HS đúng 02 ý đạt 0,25 điểm. – HS đúng 03 ý đạt 0,5 điểm. – HS đúng 04 ý đạt 1,0 điểm.

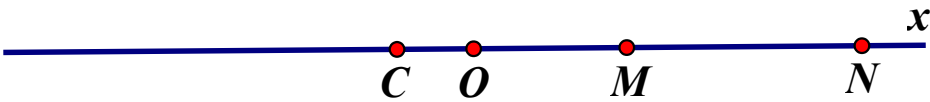
3. Dạng câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn (1,0đ)

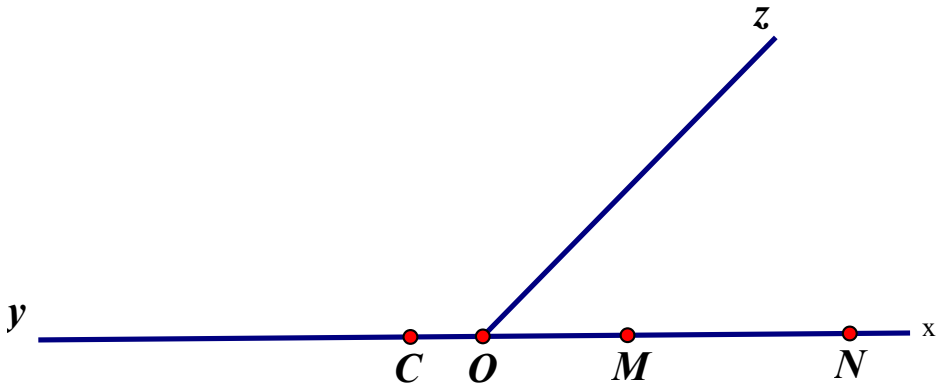
Câu	Đáp án	Biểu điểm
10	18	0,5
11	5	0,5

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 12 (1,0đ)	a) $\frac{8}{31} - \frac{13}{38} + \frac{23}{31} - \frac{25}{38} + \frac{9}{19}$ $= \left(\frac{8}{31} + \frac{23}{31} \right) + \left(-\frac{13}{38} - \frac{25}{38} \right) + \frac{9}{19}$	0,25

Câu 13 (1,5đ)	$= 1 + (-1) + \frac{9}{19}$ $= 0 + \frac{9}{19}$ $= \frac{9}{19}$	0,25
	$\frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{6}{7} = \frac{-3}{5} \cdot \frac{25}{67} + \frac{3}{7} + \frac{6}{7}$	0,25
	<p>b)</p> $= \frac{-3}{5} \cdot \frac{14}{7} = \frac{-6}{5}$	0,25
	<p>a) $x + 8,5 = 21,7$</p> <p>Suy ra $x = 21,7 - 8,5$</p> <p>$x = 13,2$</p> <p>Vậy $x = 13,2$</p>	0,25 0,25
Câu 13 (1,5đ)	<p>b)</p> $\frac{1}{2} + \frac{3}{5} \cdot (x - 2) = \frac{1}{5}$ $\frac{3}{5} \cdot (x - 2) = \frac{1}{5} - \frac{1}{2} = \frac{-3}{10}$ $x - 2 = \frac{-3}{10} : \frac{3}{5}$ $x - 2 = \frac{-1}{2}$ $x = \frac{-1}{2} + 2$ $x = \frac{3}{2}$ <p>Vậy $x = \frac{3}{2}$</p>	0,25
	$\frac{1}{4} - \left(2x + \frac{1}{2}\right)^2 = 0 \quad \text{suy ra} \quad \left(2x + \frac{1}{2}\right)^2 = \frac{1}{4}$	
	<p>b)</p>	

<p>Câu 14 (1,0đ)</p>	$\left(2x + \frac{1}{2}\right)^2 = \left(\pm \frac{1}{2}\right)^2$ <p>Trường hợp 1:</p> $2x + \frac{1}{2} = \frac{1}{2}$ $2x = 0$ $x = 0$ <p>Trường hợp 2:</p> $2x + \frac{1}{2} = -\frac{1}{2}$ $2x = -1$ $x = -\frac{1}{2}$ <p>Vậy $x \in \left\{0; -\frac{1}{2}\right\}$.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p>a) Tổng số tiền hàng là :</p> $3,5 \cdot 30 + 4 \cdot 40 = 265 \text{ (nghìn đồng)}$	<p>0,5</p>
	<p>b) Tiền thuế giá trị gia tăng Mai phải trả là:</p> $265 \cdot 10\% = 26,5 \text{ (nghìn đồng)}$ <p>Số tiền Mai phải thanh toán là:</p> $265 + 26,5 = 291,5 \text{ (nghìn đồng)}$	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p>Câu 15 (2,0đ)</p> <p>a) Vẽ hình đúng, chính xác</p> 	<p>0,25</p>
	<p>Vì điểm M nằm giữa hai điểm O và N nên ta có:</p> $OM + MN = ON$ <p>Thay số ta được: $3 + MN = 8$. Suy ra: $MN = 8 - 3 = 5 \text{ (cm)}$</p> <p>Vậy $MN = 5\text{cm}$.</p>	<p>0,25</p>
	<p>b) Vì M thuộc tia Ox, C thuộc tia đối của tia Ox nên điểm O nằm giữa hai điểm M và C, ta có: $MC = OM + OC$</p> <p>Thay số ta được: $MC = 2 + 3 = 5 \text{ (cm)}$</p> <p>Suy ra: $MC = MN (=5\text{cm})$</p> <p>Mặt khác ta có điểm M nằm giữa hai điểm N và C</p> <p>Do đó M là trung điểm của đoạn thẳng NC</p>	<p>0,25</p>

		0,5
	<p>c) * <i>Vẽ hình đúng được 0,25 điểm.</i></p>  <p>Các góc có trong hình là: $\angle xOz$; $\angle yOz$; $\angle xOy$</p> <p>$\angle xOz$: Góc nhọn; $\angle yOz$: Góc tù; $\angle xOy$: Góc bẹt</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 16 (0,5đ)	<p>Ta có: $\frac{1}{2^3} < \frac{1}{2^2} < \frac{1}{1.2}$,</p> <p>$\frac{2}{3^3} < \frac{3}{3^3} = \frac{1}{3^2} < \frac{1}{2.3}$</p> <p>.....,</p> <p>$\frac{2024}{2025^3} < \frac{2025}{2025^3} = \frac{1}{2025^2} < \frac{1}{2024.2025}$</p> <p>Nên $M < \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \dots + \frac{1}{2023.2024} + \frac{1}{2024.2025}$</p> <p>$= \frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \dots + \frac{1}{2023} - \frac{1}{2024} + \frac{1}{2024} - \frac{1}{2025}$</p> <p>$= 1 - \frac{1}{2025} = \frac{2024}{2025} < 1$</p> <p>Mà $M > 0$.</p> <p>Vậy $0 < M < 1$ nên M không phải là 1 số tự nhiên.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>

*Lưu ý: Hs làm theo cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1 (3,0 điểm). Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 và ghi 1 đáp án đúng vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Trong các phát biểu sau dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam)
- B. Số học sinh nữ trong lớp 6A.
- C. Số học sinh yêu thích bộ môn Toán của một trường THCS.
- D. Nơi sinh của mỗi học sinh trong lớp 6A.

Câu 2. Hãy tìm dữ liệu không hợp lí (nếu có) trong dãy dữ liệu sau:

Thủ đô của một số quốc gia châu Á: Hà Nội, Bắc Kinh, Tokyo, London.

- A. Bắc Kinh
- B. Hà Nội.
- C. London
- D. Tokyo

Câu 3. Khi tung một đồng xu cân đối và quan sát mặt xuất hiện của nó. Có thể xảy ra mấy kết quả?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 4. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối và đồng chất một lần, sự kiện “Số chấm xuất hiện là số chẵn” xảy ra khi số chấm trên con xúc xắc là bao nhiêu? Chọn câu **sai**

- A. 2
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 5. Phân số $\frac{8}{-5}$ đọc là:

- A. Tám phần âm năm
- B. Tám phần năm
- C. Âm tám phần năm
- D. Âm tám phần âm năm

Câu 6. Từ đẳng thức $-4 \cdot 10 = 2 \cdot (-20)$ ta có thể lập được bao nhiêu cặp phân số bằng nhau?

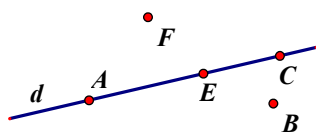
- A. 2.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 5

Câu 7. Số x thỏa mãn $\frac{x}{5} > \frac{9}{15}$ là

- A. $x = 3$
- B. $x = 4$
- C. $x = -4$
- D. $x = 1$

Câu 8. Cho hình vẽ sau. Trong hình có bao nhiêu điểm thuộc đường thẳng d :

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4



Câu 9. Ký hiệu $a \parallel b$ được hiểu là:

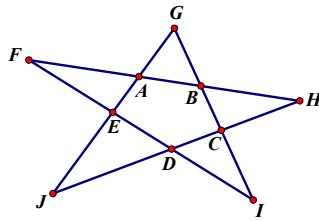
- A. Đường thẳng a cắt đường thẳng b
- B. Đường thẳng a song song với đường thẳng b
- C. Cả A, B đều đúng
- D. Cả A, B đều sai

Câu 10. Cho ba điểm A, B, C biết A nằm giữa B và C. Khi đó:

- A. A và B nằm cùng phía đối với C
- B. A và B nằm khác phía đối với C
- C. A và C nằm khác phía đối với B
- D. B và C nằm cùng phía đối với A

Câu 11. Cho hình vẽ. Giao điểm của hai đường thẳng JH và GI là:

- A. Điểm D
- B. Điểm B
- C. Điểm C
- D. Cả 3 đáp án A, B, C đều đúng



Câu 12. Dùng kí hiệu để ghi lại cách diễn đạt sau: “Đường thẳng a chứa điểm M và không chứa điểm P . Điểm O thuộc đường thẳng a và không thuộc đường thẳng b ”.

A. $M \notin a; P \notin a; O \in a; O \in b$

B. $M \in a; P \notin a; O \notin a; O \notin b$

C. $M \notin a; P \in a; O \in a; O \notin b$

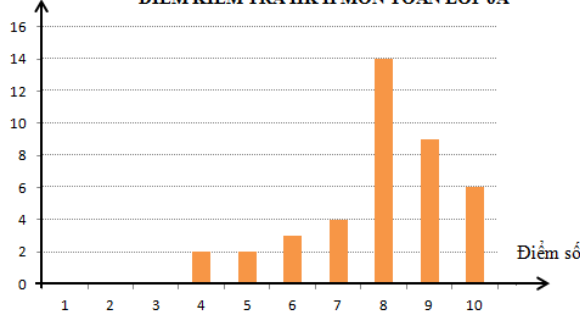
D. $M \in a; P \notin a; O \in a; O \notin b$

Phần 2 (2,0 điểm). Trắc nghiệm đúng sai. Học sinh chỉ ghi “Đúng” hoặc “Sai” vào giấy kiểm tra.

Câu 13. Kết quả bài kiểm tra học kỳ 2 môn Toán của một lớp 6A được cho dưới dạng biểu đồ dưới đây, biết tất cả học sinh lớp đều làm bài kiểm tra. Các khẳng định sau đúng hay sai?

Số HS

ĐIỂM KIỂM TRA HK II MÔN TOÁN LỚP 6A



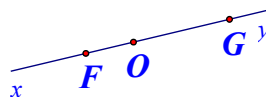
A. Có 5 học sinh đạt điểm 7

B. Có nhiều học sinh đạt điểm 8 nhất

C. Số học sinh đạt điểm 10 nhiều hơn số học sinh đạt điểm 4 là 4 bạn

D. Lớp 6A có 42 học sinh

Câu 14. Cho hình vẽ. Các khẳng định sau đúng hay sai?



A. Ba điểm F, O, G thẳng hàng

B. Điểm F nằm giữa hai điểm O và G

C. $FO + OG = FG$

D. Vẽ được vô số đường thẳng cắt đường thẳng xy tại G

Phần 3 (2 điểm). Trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi kết quả vào giấy kiểm tra (không phải trình bày lời giải).

Câu 15. Gieo một con xúc xắc 6 mặt 80 lần ta được kết quả như sau :

Mặt	1	2	3	4	5	6
chấm	chấm	chấm	chấm	chấm	chấm	chấm
Số lần xuất hiện	12	15	14	18	10	11

Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 2 chấm là:.....

Câu 16. Kết quả của phép tính $\frac{1}{5} - \frac{1}{4} + \frac{1}{20}$ là.....

Câu 17. Số x thỏa mãn $x + \frac{-7}{12} = \frac{17}{18} - \frac{1}{9}$ là

Câu 18. Cho điểm M nằm giữa hai điểm A và B . Biết $AM = 3\text{ cm}$; $AB = 8\text{ cm}$. Độ dài đoạn thẳng MB là

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm). Điểm kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6D được ghi lại trong bảng sau:

Điểm kiểm tra	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	2	2	7	15	10	5	4

a) Tính số học sinh lớp 6D

b) Tính điểm trung bình môn Toán của lớp 6D.

Bài 2 (1,0 điểm). Cho đoạn thẳng $AB = 6\text{ cm}$. Vẽ điểm C thuộc đoạn AB sao cho $AC = 3\text{ cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng BC

b) Điểm C có phải là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?

Bài 3 (1,0 điểm).

3.1. Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có ba chữ số nhỏ hơn 120

Tính xác suất của sự kiện sau: “Số tự nhiên được viết ra là số lẻ”.

3.2. Với x là số tự nhiên, rút gọn biểu thức sau:

$$\frac{1}{8.15} + \frac{1}{15.22} + \frac{1}{22.29} + \dots + \frac{1}{(7x+1)(7x+8)}$$

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1 (3,0 điểm). Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 và ghi 1 đáp án đúng vào giấy kiểm tra.

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	D	A	B	C	A	B	B	C	B	A	C	D

Phần 2 (2,0 điểm). Trắc nghiệm đúng sai. Học sinh chỉ ghi “Đúng” hoặc “Sai” vào giấy kiểm tra.

Câu 13. S – Đ – Đ – S

Câu 14. Đ – S – Đ – Đ

Phần 3 (2 điểm). Trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi kết quả vào giấy kiểm tra (không phải trình bày lời giải).

Câu 15. $\frac{3}{16}$

Câu 16. 0

Câu 17. $\frac{17}{12}$
 Câu 18. 5 cm

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
Bài 1 (1,0 điểm).	a) Số học sinh lớp 6D là: $2+2+7+15+10+5+4$ $= 45$ học sinh	0.25 0.25
	b) Điểm trung bình môn Toán lớp 6D là: $(4.2+5.2+6.7+7.15+8.10+9.5+10.4) : 45$ $\approx 7,3$	0.25 0.25
	Bài 2 (1,0 điểm).	0.25
Bài 3 (1,0 điểm).	Vẽ hình đúng	0.25
	a) Lập luận tính được $BC = 3\text{cm}$	0.5
	b) Giải thích được điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AB	0.25
Bài 3 (1,0 điểm).	3.1. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra: $Q = \{100; 101; 102; \dots; 119\}$ Xác suất cần tìm là $1/2$	0.25 0.25
	3.2. $\frac{1}{8.15} + \frac{1}{15.22} + \frac{1}{22.29} + \dots + \frac{1}{(7x+1)(7x+8)}$	0.25 0.25
	$= \frac{1}{7} \left(\frac{1}{8} - \frac{1}{7x+8} \right)$ $= \frac{x}{8(7x+8)}$	

ĐỀ 12

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**Câu 1:** Cách viết nào cho ta phân số trong các cách viết sau?

- A. $\frac{5,7}{-4}$. B. $\frac{9}{0}$. C. $-\frac{24}{5}$. D. $\frac{18}{4,5}$.

Câu 2: Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{1}{3}$?

- A. $\frac{3}{9}$. B. $\frac{6}{9}$. C. $\frac{3}{1}$. D. $\frac{-1}{3}$.

Câu 3: Hỗn số $2\frac{4}{5}$ được viết dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{15}{3}$ B. $\frac{-14}{5}$ C. $\frac{13}{5}$ D. $\frac{14}{5}$

Câu 4: Phân số nghịch đảo của $\frac{2}{3}$ là

- A. $-\frac{2}{3}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $\frac{-3}{2}$ D. $\frac{-1}{2}$

Câu 5: Trong các số sau, số nào là số thập phân âm ?

- A. 14,5 B. 1 C. -0 D. -1,45

Câu 6: Phân số $\frac{47}{1000}$ được viết dưới dạng số thập phân là

- A. 4,7 B. 47,00 C. 0,047 D. 0,0047

Câu 7: Số đối của số thập phân 1,5 là

- A. 0,15. B. 15. C. -5,1 D. -1,5

Câu 8: Số 2634 được làm tròn đến hàng trăm là ?

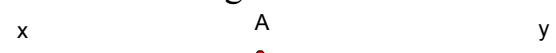
- A. 2600 B. 2700 C. 2630 D. 2640

Câu 9: Điểm A thuộc đường thẳng d được kí hiệu là:

- A. $a \in D$. B. $D \in a$. C. $A \in d$. D. $B \subset a$.

Câu 10: Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B ?

- A. 2 B. 1 C. Vô số D. 0

Câu 11: Có bao nhiêu tia trong hình vẽ sau ?

A. 4.

B. 5

C. 3 .

D. 2.

Câu 12: Có bao nhiêu đoạn thẳng trong hình vẽ sau?



A. 3

B. 6

C. 2

D. 5

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (1,5 điểm) . Tính một cách hợp lí (nếu có thể):

a) $\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13}$

b) $(-123,45) + (-341,25)$

c) $\frac{5}{7} \cdot \frac{3}{19} + \frac{5}{7} \cdot \frac{16}{19}$

Bài 2. (1 điểm). Tìm x, biết:

a) $x + 3,25 = 6,15$

b) $\frac{7}{8} : x = \frac{-9}{14}$

Bài 3. (2,5 điểm) . Một lớp 6 có 45 học sinh gồm ba loại: tốt , khá và đạt. Số học sinh

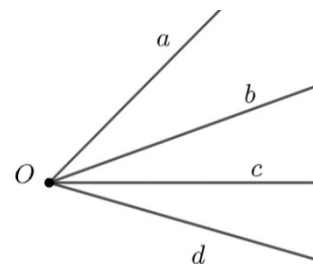
tốt chiếm $\frac{1}{5}$ học sinh cả lớp. Số học sinh khá chiếm $\frac{1}{3}$ số học sinh còn lại.

a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp .

b) Tính tỉ số phần trăm của học sinh giỏi so với tổng số học sinh cả lớp.

Bài 4 (1,5 điểm)

a) Hãy kể tên các tia có trong hình bên:



b) Vẽ đoạn thẳng $AB = 6\text{cm}$, gọi M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Tính độ dài đoạn thẳng AM .

Bài 5 (0,5 điểm) Thực hiện phép tính:

$$P = \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \frac{1}{4.5} + \dots + \frac{1}{2024.2025}$$

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	D	B	D	C	D	A	C	B	D	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	BIỂU ĐIỂM
Bài 1 (1,5đ)	a) $\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} = \frac{-13}{13} = -1$	0,5đ
	b) $(-123,45) + (-341,25) = -464,7$	0,5đ
	c) $\frac{5}{7} \cdot \frac{3}{19} + \frac{5}{7} \cdot \frac{16}{19} = \frac{5}{7} \left(\frac{3}{19} + \frac{16}{19} \right) = \frac{5}{7}$	0,5đ
Bài 2 (1 đ)	a) $x + 3,25 = 6,15$ $x = 6,15 - 3,25$ Vậy $x = 2,9$	0,5
	b) $\frac{7}{8} : x = \frac{-9}{14}$ $x = \frac{7}{8} : \frac{-9}{14}$	0,25

	Vậy $x = \frac{-49}{36}$	0,25
Bài 3 (2,5 đ)	a) Số học sinh tốt của lớp là: $45 \cdot \frac{1}{5} = 9$ (Học sinh)	0,5đ
	Số học sinh còn lại là: $45 - 9 = 36$ (Học sinh)	0,5đ
	Số học sinh khá của lớp là: $36 \cdot \frac{1}{3} = 12$ (Học sinh)	0,5đ
	Số học sinh đạt của lớp là: $45 - (9 + 12) = 24$ (Học sinh)	0,5 đ
	b) Tỷ số phần trăm của học sinh giỏi so với học sinh cả lớp là: $\frac{9}{45} 100\% = 20\%$ (học sinh cả lớp)	0,5 đ
Bài 4 (1,5đ)	a) Các tia trong hình là: Oa, Ob, Oc, Od. <i>(Kể được 2 tia đúng HS được 0,25đ).</i>	0,5đ
	b) M là trung điểm của đoạn thẳng AB nên ta có: $AM = MB = \frac{AB}{2} = \frac{6}{2} = 3$ (cm) Vậy AM = 3 cm.	0,5 đ 0,5đ
Bài 5 (0,5đ)	$P = \frac{1}{2 \cdot 3} + \frac{1}{3 \cdot 4} + \frac{1}{4 \cdot 5} + \dots + \frac{1}{2024 \cdot 2025}$ $P = \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \dots + \frac{1}{2024} - \frac{1}{2025}$ $P = \frac{1}{2} - \frac{1}{2025} = \frac{2023}{4050}$	0,25 đ 0,25 đ

(Lưu ý: Học sinh giải cách khác đúng vẫn đạt điểm tối đa câu đó)

ĐỀ 13	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6
--------------	---

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**Câu 1:** Cách viết nào cho ta phân số trong các cách viết sau?

- A. $-\frac{41}{15}$. B. $\frac{9}{0}$. C. $\frac{5,7}{-4}$. D. $\frac{18}{4,5}$.

Câu 2: Phân số nào sau đây bằng phân số $-\frac{1}{5}$?

- A. $\frac{3}{1}$. B. $\frac{6}{9}$. C. $\frac{-2}{10}$. D. $\frac{-1}{3}$.

Câu 3: Hỗn số $-3\frac{1}{5}$ được viết dưới dạng phân số là

- A. $\frac{15}{3}$ B. $-\frac{16}{5}$ C. $\frac{13}{5}$ D. $\frac{-14}{5}$

Câu 4: Phân số nghịch đảo của $\frac{3}{2}$ là

- A. $-\frac{2}{3}$ B. 1 C. $-\frac{3}{2}$ D. $\frac{2}{3}$

Câu 5: Trong các số sau, số nào là số thập phân âm ?

- A. 4,12 B. -1 C. -1,4 D. -0

Câu 6: Phân số $\frac{47}{10}$ được viết dưới dạng số thập phân là

- A. 4,7 B. 47,00 C. 4,7 D. 0,0047

Câu 7: Số đối của số thập phân -3,9 là

- A. 39. B. 3,9. C. -9,3 D. -39

Câu 8: Số 2635 được làm tròn đến hàng chục là ?

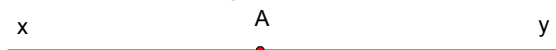
- A. 2640 B. 2700 C. 2630 D. 2636

Câu 9: Điểm E thuộc đường thẳng d được kí hiệu là:

- A. $a \in D$. B. $D \in a$. C. $E \in d$. D. $B \subset a$.

Câu 10: Điểm M không thuộc đường thẳng a kí hiệu là:

- A. $M \notin d$ B. $M \notin a$ C. $A \notin M$ D. $M \in a$

Câu 11: Có bao nhiêu tia trong hình vẽ sau ?

A. 4.

B. 1

C. 3 .

D. 2.

Câu 12: Có bao nhiêu đoạn thẳng trong hình vẽ sau?



A. 2

B. 5

C. 6

D. 3

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (1,5 điểm) . Tính một cách hợp lí (nếu có thể):

a) $\frac{-8}{17} + \frac{-9}{17}$

b) $(-28,55) + (-62,35)$

c) $\frac{2}{7} \cdot \frac{5}{19} + \frac{2}{7} \cdot \frac{14}{19}$

Bài 2. (1 điểm). Tìm x, biết

a) $x - 3,25 = 6,15$

b) $\frac{-9}{13} \cdot x = \frac{-5}{26}$

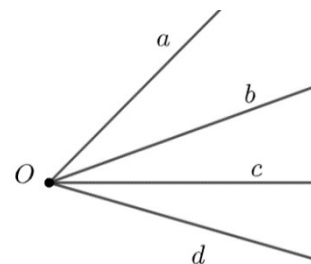
Bài 3. (2,5 điểm) . Lớp 6A có 36 học sinh gồm ba loại: giỏi, khá, đạt. Trong đó số học sinh giỏi chiếm $\frac{1}{4}$ số học sinh cả lớp, học sinh khá chiếm $\frac{1}{3}$ số học sinh còn lại.

a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp 6A.

b) Tính tỉ số phần trăm học sinh đạt so với học sinh cả lớp.

Bài 4 (1,5 điểm).

a) Hãy kể tên các tia có trong hình bên:



b) Vẽ đoạn thẳng $AB = 4\text{cm}$, gọi M là trung điểm của đoạn thẳng **AB**. Tính độ dài đoạn thẳng AM.

Bài 5 (0,5 điểm). Thực hiện phép tính:

$$P = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{99.100}$$

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	C	B	D	C	C	B	A	C	B	D	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	BIỂU ĐIỂM
Bài 1 (1,5đ)	a) $\frac{-8}{17} + \frac{-9}{17} = \frac{-17}{17} = -1$	0,5đ
	b) $(-28,55) + (-62,35) = -90,9$	0,5đ
	c) $\frac{2}{7} \cdot \frac{5}{19} + \frac{2}{7} \cdot \frac{14}{19} = \frac{2}{7} \cdot \left(\frac{5}{19} + \frac{14}{19} \right) = \frac{2}{7} \cdot 1 = \frac{2}{7}$	0,5đ
Bài 2 (1đ)	a) $x - 3,25 = 6,15$ $x = 6,15 + 3,25$ $x = 9,4$ Vậy	0,5 đ
	b) $\frac{-9}{13} \cdot x = \frac{-5}{26}$ $x = \frac{-5}{26} : \frac{-9}{13}$	0,25
	Vậy $x = \frac{5}{18}$	0,25
Bài 3	a) Số học sinh giỏi của lớp 6A là:	

(2,5 đ)	$36. \frac{1}{4} = 9 \text{ (Học sinh)}$ <p>Số học sinh còn lại của lớp 6A là:</p> $36 - 9 = 27 \text{ (Học sinh)}$ <p>Số học sinh khá của lớp 6A là:</p> $27. \frac{1}{3} = 9 \text{ (Học sinh)}$ <p>Số học sinh đạt của lớp 6A là:</p> $36 - (9 + 9) = 18 \text{ (Học sinh)}$	0,5đ
		0,5đ
		0,5đ
		0,5 đ
	<p>b) Tỉ số phần trăm của học sinh đạt so với học sinh cả lớp là:</p> $\frac{18}{36} \cdot 100\% = 50\%$ <p>(Học sinh cả lớp)</p>	0,5 đ
Bài 4 (1,5đ)	<p>a) Các tia trong hình là: Oa, Ob, Oc, Od.</p> <p>(Kẻ được 2 tia đúng HS được 0,25đ).</p>	0,5đ
	<p>b) M là trung điểm của đoạn thẳng AB nên ta có:</p> $AM = MB = \frac{AB}{2} = \frac{4}{2} = 2 \text{ (cm)}$ <p>Vậy AM = 2 cm.</p>	0,5 đ
		0,5đ
Bài 5 (0,5đ)	$P = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{9.100}$	
	$P = \frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{9} - \frac{1}{100}$	0,25 đ
	$P = \frac{1}{1} - \frac{1}{100} = \frac{99}{100}$	0,25 đ

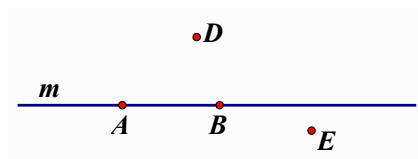
(Lưu ý: Học sinh giải cách khác đúng vẫn đạt điểm tối đa câu đó)

ĐỀ 14	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6
--------------	---

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm).

Dạng thức 1. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho hình vẽ



Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

- A.** $E \in m$ **B.** $D \in m$ **C.** $B \in m$ **D.** $B \notin m$

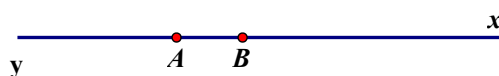
Câu 2. Số đối của phân số $\frac{-3}{-4}$ là

- A.** $\frac{-3}{4}$ **B.** $\frac{4}{3}$ **C.** $\frac{3}{4}$ **D.** $\frac{-4}{3}$

Câu 3. Hỗn số $5\frac{2}{3}$ được viết dưới dạng phân số ?

- A.** $\frac{17}{3}$ **B.** $\frac{3}{17}$ **C.** $\frac{5}{3}$ **D.** $\frac{4}{3}$

Câu 4. Cặp tia đối nhau trong hình vẽ dưới đây là:



- A.** Tia Ay và tia yA **B.** Tia AB và tia Ax **C.** Tia Ay và tia Bx **D.** Tia Bx và tia By

Câu 5. Hai phân số $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ khi nào?

- A.** $a+c=b+d$ **B.** $ad=bc$ **C.** $ac=bd$ **D.** $ab=cd$

Câu 6. Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A.** $\frac{6,23}{7,4}$ **B.** $\frac{0,25}{-3}$ **C.** $\frac{5}{0}$ **D.** $\frac{4}{7}$

Câu 7. Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

- A.** $\frac{3}{42}$ **B.** $\frac{3}{17}$ **C.** $\frac{4}{48}$ **D.** $\frac{17}{34}$

Câu 8. Số đối của số thập phân -3,7 là:

- A.** - 7,3 **B.** 37 **C.** - 3,7 **D.** 3,7

Dạng thức 2. (1,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 9. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở câu 9, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 9: Cho hình vẽ sau. Xét tính đúng/ sai của các khẳng định sau :

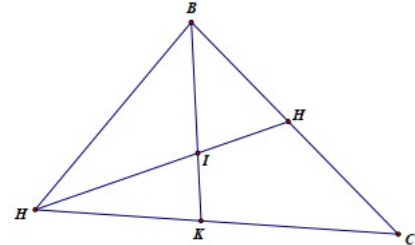


- a) Điểm C nằm giữa hai điểm A và D.
- b) Điểm B nằm giữa hai điểm A và C.
- c) Điểm C và điểm D nằm khác phía đối với điểm B.
- d) Ba điểm A, B, C thẳng hàng.

Dạng thức 3. (1 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời câu 10 và câu 11. Chỉ cần ghi kết quả.

Câu 10 : Một doanh nghiệp sản xuất có doanh thu quý I là 250 tỷ VNĐ, doanh thu quý II tăng thêm 10% so với quý I. Doanh thu cả quý I và quý II của doanh nghiệp trên là ... tỷ VNĐ.

Câu 11 : Số bộ 3 điểm thẳng hàng trong hình vẽ bên là...



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Câu 12: (1,0 điểm) So sánh

a) $\frac{-3}{8}$ và $\frac{5}{-12}$

b) $\frac{3131}{5252}$ và $\frac{31}{52}$

Câu 13 (1,0 điểm): Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể)

a) $\frac{-2}{11} + \frac{-9}{11}$

b) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7}$

Câu 14 (1,0 điểm): Tìm x biết

a) $x - 5,01 = 7,02 - 3$

b) $\frac{1}{5} - \frac{2}{3} - x \cdot \frac{0}{5} = \frac{3}{5}$

Câu 15 (1,0 điểm): Lớp 6A có 42 học sinh xếp loại kết quả học tập trong học kỳ I bao gồm ba loại: Tốt, khá và đạt. Số học sinh tốt chiếm $\frac{1}{7}$ số học sinh cả lớp, số học sinh khá bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh còn lại.

- a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp?
- b) Tính tỉ số phần trăm của số học sinh tốt và khá so với số học sinh cả lớp?

Câu 16 (1,5 điểm) : Trên tia Bx lấy hai điểm A và C sao cho BA=2cm , BC = 3cm

- a) Trong ba điểm C,A,B điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Tính AC?
- b) Trên tia đối của tia Bx lấy điểm O sao cho BO=BC=3cm . B có phải là trung điểm của OC không? Vì sao?

Câu 17 (0,5 điểm): Cho $S = \frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{48} + \frac{1}{49} + \frac{1}{50}$

và $P = \frac{1}{49} + \frac{2}{48} + \frac{3}{47} + \dots + \frac{48}{2} + \frac{49}{1}$. Tính $\frac{S}{P}$

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm).

Dạng thức 1: (2 điểm) Trả lời đúng mỗi câu được 0,25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8
A	A	A	D	B	D	B	D

Dạng thức 2. (1 điểm)

Câu 9: a) Đúng b) Sai c) Đúng d) Đúng

HS trả lời đúng 1 ý được 0,1 điểm

HS trả lời đúng 1 ý được 0,25 điểm

HS trả lời đúng 1 ý được 0,5 điểm

HS trả lời đúng 1 ý được 1,0 điểm

Dạng thức 3. (1 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu 10. 525

Câu 11. 4

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	ý	Đáp án	Điểm
12 (1,0đ)	a	$\frac{-3}{8} \text{ và } \frac{5}{-12}$ $\text{Ta có } \frac{-3}{8} = \frac{-9}{24}; \frac{5}{-12} = \frac{-10}{24}$ $\text{Vì } \frac{-9}{24} > \frac{-10}{24} \text{ nên } \frac{-3}{8} > \frac{5}{-12}$	0,25 0,25
	b	$\frac{3131}{5252} \text{ và } \frac{31}{52}$ $\text{Ta có } \frac{3131}{5252} = \frac{3131:101}{5252:101} = \frac{31}{52}$ $\text{Vậy } \frac{3131}{5252} = \frac{31}{52}$	0,25 0,25
13 (1,0đ)	a	$\frac{-2}{11} + \frac{-9}{11}$ $= \frac{-2+(-9)}{11}$ $= \frac{-11}{11} = -1$	0,25 0,25

	b	$\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7}$ $= \frac{-5}{7} \left(\frac{2}{11} + \frac{9}{11} \right) + \frac{5}{7}$ $= \frac{-5}{7} \cdot 1 + \frac{5}{7}$ $= 0$	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
	a	$x - 5,01 = 7,02 - 2.1,5$ $x - 5,01 = 4,02$ $x = 4,02 + 5,01$ $x = 9,03$ <p>Vậy $x = 9,03$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
14 (1,0đ)	b	$\frac{1}{5} - \left(\frac{2}{3} - x \right) = \frac{-3}{5}$ $\frac{2}{3} - x = \frac{1}{5} - \frac{-3}{5}$ $x = \frac{2}{3} - \frac{4}{5}$ $\text{Vậy } x = \frac{-2}{15}$	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
15 (1,0đ)		<p>a) Số học sinh Tốt là: $42 \cdot \frac{1}{7} = 6$ (học sinh)</p> <p>Số học sinh khá là: $(42 - 6) \cdot \frac{2}{3} = 24$ (học sinh)</p> <p>Số học sinh đạt là : $42 - 6 - 24 = 12$ (học sinh)</p> <p>b) Tỷ số % giữa học sinh Tốt và khá so với cả lớp là:</p> $\frac{6 + 24}{42} \cdot 100\% = 71,4\%$	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
16 (1,5đ)	a	 <p>a) Trên tia Bx ta có BA=2cm, BC=3cm vì $2 < 3$ nên BA < BC,</p>	0,25

		<p>vậy, A nằm giữa B và C.</p> <p>Khi đó ta có : $BA+AC=BC \Rightarrow AC = BC - BA \Rightarrow AC = 3 - 2 \Rightarrow AC = 1$</p> <p>Vậy, $AC = 1\text{cm}$.</p>	0.25
	b	<p>b) ta có O thuộc tia đối của tia Bx, nên O và C nằm khác phía đối với B hay B nằm giữa O và C.</p> <p>Khi đó: $OB+BC=OC$.(1)</p> <p>Mà theo đề bài: $BO=BC=3\text{cm}$(2)</p> <p>Từ (1) và (2), suy ra B là trung điểm của OC</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
17 (0,5đ)		<p>Ta có:</p> $P = \frac{1}{49} + \frac{2}{48} + \frac{3}{47} + \dots + \frac{48}{2} + \frac{49}{1}$ $= 1 + \left(\frac{1}{49} + 1\right) + \left(\frac{2}{48} + 1\right) + \left(\frac{3}{47} + 1\right) + \dots + \left(\frac{48}{2} + 1\right)$ $= 1 + \left(\frac{50}{49} + \frac{50}{48} + \frac{50}{47} + \dots + \frac{50}{2}\right)$ $= \frac{50}{50} + \frac{50}{49} + \frac{50}{48} + \dots + \frac{50}{2}$ $= 50 \cdot \left(\frac{1}{50} + \frac{1}{49} + \frac{1}{48} + \dots + \frac{1}{2}\right)$ $\frac{S}{P} = \frac{\frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{49} + \frac{1}{50}}{50 \cdot \left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{49} + \frac{1}{50}\right)} = \frac{1}{50}$ <p>Khi đó:</p>	<p>0.25</p> <p>0,25</p>